



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

11

Tháng 6 - 2014

BỘ TRƯỞNG TRỊNH ĐÌNH DŨNG TIẾP THÂN MẬT PHÓ ĐẠI SỨ VƯƠNG QUỐC BỈ GEERT VANSINTJAN

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Phó Đại sứ Bỉ Geert Vansintjan



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Phó Đại sứ Bỉ Geert Vansintjan chụp ảnh lưu niệm

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

11

SỐ 11 - 6/2014

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5
về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Công
viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh
Hà Giang, đến năm 2030
- Quyết định số 830/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 6
phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà
Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030
- Thông tư số 07/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng 8
hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số
84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy
định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư
- Thông tư số 08/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng 10
hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số
188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về
phát triển và quản lý nhà ở xã hội

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 13
Đồng Tháp ban hành Quy định phân công, phân cấp tổ
chức quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa
bàn tỉnh Đồng Tháp
- Chỉ thị số 04/2014/CT-UBND của UBND tỉnh Bình 15
Thuận về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(**Trưởng ban**)

CN. BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng cát mịn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chế tạo bê tông và vữa xây dựng” 17
- Nghiệm thu nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - giai đoạn 2” 18
- Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn soát xét TCVN 6530 “Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử” 20
- Nghiệm thu đề tài: Điều tra, khảo sát, đề xuất phương án và công nghệ thích hợp xử lý bùn cặn từ hệ thống thoát nước đô thị 21
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bắc Ninh 23
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Đông Triều mở rộng là đô thị loại IV 25
- Các phương pháp và thiết bị kiểm tra mạng lưới đường ống cấp thoát nước 27
- Triển vọng phát triển của bê tông tự lèn tại Nga 29
- Bê tông cốt sợi các-bon và xu hướng cạnh tranh với bê tông cốt thép 32

Thông tin

- Trao tặng Kỷ niệm chương cho chuyên gia Đức Johannes Bernd Kuchta 35
- Hội thảo Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong ngành Xây dựng” 36
- Hiện trạng phát triển và xu hướng tiết kiệm năng lượng trong xây dựng ở Trung Quốc 38
- Đô thị hóa và người nông dân phải cùng phát triển hài hòa với nhau 40
- Trung Quốc thúc đẩy Công nghiệp hóa ngành công nghiệp xây dựng theo hình thức mới 42
- Kinh nghiệm về xử lý môi trường nông thôn ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030

Ngày 30/5/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 826/QĐ-TTg về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030 với quan điểm: Quy hoạch xây dựng gắn với bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa tại Cao nguyên đá Đồng Văn để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Theo Quyết định này, các nội dung quy hoạch xây dựng vùng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030 bao gồm: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, dân số, lao động, các đô thị và điểm dân cư nông thôn, tình trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, môi trường; phân vùng và định hướng phát triển không gian (các công viên chuyên đề, các đô thị - trung tâm du lịch và các thị trấn khác, mạng lưới điểm dân cư nông thôn, cơ sở kinh tế, đặc biệt là cơ sở phục vụ phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, các vùng nguyên liệu nông, lâm sản, dược liệu và các khu vực khác); định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông, giải pháp về nền xây dựng, thoát nước mưa, các công trình đầu mối cấp nước, cấp điện, thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, thông tin liên lạc, đáp ứng các hoạt động du lịch, dân sinh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác, phù hợp với điều kiện tự nhiên, tình trạng thiếu đất, khắc phục tình trạng thiếu

nước trong khu vực; đánh giá môi trường chiến lược, đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đặc biệt tại các khu vực có giá trị di sản địa chất, đa dạng sinh học và cộng đồng dân cư; đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất các quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Về nội dung nghiên cứu, cần phân tích, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đô thị; định hướng phát triển không gian đô thị gồm các khu vực bảo tồn, tôn tạo, các khu chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dịch vụ, thương mại, du lịch, các khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, y tế, khu ở, công viên, cây xanh tự nhiên, các khu chức năng khác; thiết kế đô thị, cần chú trọng giữ gìn, phát huy các đặc trưng về không gian, cảnh quan, kiến trúc truyền thống tại khu vực; quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn, đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tránh tình trạng xây dựng manh mún, tác động xấu đến cảnh quan, môi trường; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm hệ thống giao thông, san nền, hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải và chất thải rắn, nghĩa trang, cung cấp nước, điện cho người dân, du khách và các hoạt động kinh tế khác; đánh giá môi trường chiến lược, xác định các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, cảnh quan đô thị; đề xuất

các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện; xác định các nội dung cần kiểm soát và đề xuất quy định quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch.

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Theo Quyết định này, Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa

phương chỉ đạo việc lập, thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đảm bảo chất lượng và tiến độ; bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 830/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030

Ngày 02/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 830/QĐ-TTg phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030 với mục tiêu: Cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ, các chiến lược phát triển ngành và quốc gia, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của hai tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình; tạo ra một không gian liên kết kinh tế tại khu vực Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình, đáp ứng các yêu cầu về an ninh, quốc phòng của quốc gia và khu vực; định hướng tổ chức không gian đô thị cùng hệ thống cơ sở hạ tầng liên vùng gắn liền với các giải pháp bảo vệ môi trường phát triển bền vững.

Theo Quy hoạch này, dự báo quy mô đất xây dựng đô thị và các khu động lực phát triển kinh tế đến năm 2030 khoảng 13.043 ha (trong đó đất xây dựng đô thị là 5.319 ha), đến năm 2030 khoảng 26.283 ha (trong đó đất xây dựng đô thị là 9.255 ha). Dự báo quy mô đất xây dựng các khu dân cư nông thôn đến năm 2020 khoảng 8.625 ha, đến năm 2030 khoảng 7.150 ha.

Về định hướng phát triển không gian vùng, vùng đồng bằng ven biển tập trung phát triển

các ngành phục vụ phát triển kinh tế biển, xây dựng cụm cảng nước sâu, đầu tư phát triển du lịch biển và du lịch văn hóa, đồng thời hình thành các vùng ngư nghiệp, khai thác và chế biến thủy hải sản. Vùng trung du miền núi tập trung công nghiệp khai khoáng, công nghiệp xi măng và vật liệu xây dựng, dịch vụ thương mại, du lịch làm động lực phát triển, đồng thời chú trọng phát triển kinh tế nông lâm theo hướng hiệu quả bền vững gắn liền với quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông thôn.

Về định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2030, hệ thống đô thị vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình sẽ có khoảng 18 đô thị được phân bố tại 2 vùng. Cụ thể, vùng Nam Hà Tĩnh dự kiến có khoảng 10 đô thị gồm 4 đô thị hiện có (đô thị Cẩm Xuyên và đô thị Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên; đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê; đô thị Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh) và 6 đô thị hình thành mới (đô thị Voi, Kỳ Đồng, Kỳ Lâm, Kỳ Ninh, Hoàn Sơn thuộc huyện Kỳ Anh; đô thị La Khê, huyện Hương Khê). Vùng Bắc Quảng Bình dự kiến có 8 đô thị bao gồm: 3 đô thị hiện có (đô thị Ba Đồn, đô thị Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa; đô thị Quy Đạt, huyện Minh

Hóa) và 5 đô thị hình thành mới (đô thị Quảng Phương và Hòn La, huyện Quảng Trạch; đô thị Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa; đô thị Cha Lo - Bãi Dinh và Hóa Tiến, huyện Minh Hóa). Về định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn, định hướng tổ chức hệ thống dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn vùng cũng như hiện trạng phân bố dân cư. Các điểm dân cư nông thôn được kết nối giao thông với các tuyến đường liên xã, liên vùng đáp ứng yêu cầu sinh sống và sản xuất của người dân theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Về hệ thống giao thông nội vùng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp III, IV, đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp IV, V. Nâng cấp chất lượng hệ thống đường hiện có, xây dựng mới các tuyến đường đảm bảo về tỉ lệ và mật độ theo quy định. Các bến xe đối ngoại này bố trí tại các đô thị lớn, đầu mối giao thông quan trọng của vùng. Hệ thống bến xe liên, nội tỉnh bố trí tại các đô thị huyện lỵ, các đầu mối giao thông lớn của các huyện. Đến năm 2020, 100% các xã có đường giao thông đến trung tâm, tỉ lệ rải mặt đạt 50 - 60%, đến năm 2030, hầu hết các tuyến đạt tiêu chuẩn đường nông thôn mới, tỉ lệ rải mặt đạt trên 80%, các huyện vùng núi cao đến năm 2020 đạt 25%, đến năm 2030 đạt 40%.

Về định hướng cấp nước, tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất toàn vùng đến năm 2030 khoảng 700 triệu m³/năm (khoảng 58,3 triệu m³/tháng), sử dụng nguồn nước mặt là chủ yếu, trong đó có hệ thống cấp nước hồ Rào Trỏ là công trình cấp nước đảm bảo chia sẻ nguồn nước chung từ sông Rào Trỏ. Có thể sử dụng nước mạch nông cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Tùy theo điều kiện cụ thể tại từng khu vực để có các giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước phù hợp. Kết hợp việc xây dựng và khai thác các công trình hồ chứa thủy lợi với việc cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Khuyến khích sử dụng giải pháp cấp nước liên vùng đối với

những chòm đô thị có vị trí phù hợp và chia sẻ nguồn tài nguyên nước cho sự phát triển của vùng. Khu vực nông thôn chủ yếu áp dụng hình thức cấp nước quy mô vừa và nhỏ.

Về thoát nước thải, tổng lượng nước thải cần thu gom xử lý trong vùng quy hoạch đến năm 2030 là 1.169.300 m³/ngày đêm. Nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống đường ống nước thải phải được xử lý cục bộ đạt theo tiêu chuẩn quy định hiện hành. Nước thải bệnh viện phải xử lý, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường bên ngoài. Đối với các khu vực mới phát triển thuộc đô thị loại III sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Với các đô thị loại III, IV, V, các thị trấn, trung tâm cụm xã, sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Sử dụng các đầm, hồ trong đô thị làm hồ sinh học để xử lý nước thải sau khi đã làm sạch trong điều kiện tự nhiên. Các điểm dân cư nông thôn được xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý qua bể tự hoại, sau đó xả vào hệ thống cống chung dẫn đến trạm xử lý tập trung hoặc ra hồ theo các tiêu chuẩn quy định.

Tổng khối lượng chất thải rắn (CTR) toàn vùng đến năm 2030 khoảng 3.880 tấn/ngày đêm. Phân loại CTR tại nguồn sau đó chuyển đến các trạm trung chuyển, xử lý phân loại sơ bộ sau đó vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung của từng khu vực. Công nghệ áp dụng được chọn lựa tùy theo loại hình CTR, môi trường nơi đặt khu vực xử lý và điều kiện đầu tư áp dụng công nghệ mới. Về định hướng bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường nguyên sinh tại các khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia, tăng cường quản lý và trồng rừng để chống xói lở và lũ quét, cải tạo đất trống đồi núi trọc phần đầu độ che phủ của rừng đến năm 2030 đạt trên 75%.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Thông tư số 07/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư

Ngày 20/5/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 07/2014/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 84/2013/NĐ-CP), bao gồm: Kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư; quản lý đầu tư xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư và mua nhà ở thương mại để bố trí tái định cư; quản lý bán, cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư; quản lý vận hành nhà ở phục vụ tái định cư.

Về trình tự lập và phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư này hướng dẫn: Chủ đầu tư các dự án nêu tại Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và UBND cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) nơi có dự án tiến hành điều tra xã hội học, khảo sát nhu cầu của các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực giải phóng mặt bằng, trong đó xác định nhu cầu các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện phải di dời về việc tái định cư (như vị trí, loại nhà ở phục vụ tái định cư, số lượng, diện tích nhà ở, đất ở có hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng và mua thương mại để bố trí tái định cư, tổng vốn đầu tư, dự kiến tiến độ bố trí nhà ở, đất ở tái định cư) theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo UBND cấp huyện. Trường hợp dự án liên quan từ 2 đơn vị cấp huyện trở lên thì Chủ đầu tư phải báo cáo từng huyện về nhu cầu nhà ở phục vụ tái định cư. UBND cấp

huyện chỉ đạo lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổng hợp nhu cầu nhà ở phục vụ tái định cư trên địa bàn, báo cáo Sở Xây dựng về nhu cầu nhà ở phục vụ tái định cư được đầu tư bằng mọi nguồn vốn theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan lập kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư hàng năm và 5 năm trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. UBND cấp tỉnh căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn đã được phê duyệt để xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư hàng năm và 5 năm, công bố công khai kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư, đồng thời báo cáo Bộ Xây dựng theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch.

Việc lựa chọn Chủ đầu tư dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư được thực hiện theo quy định của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP và trên cơ sở như sau: Kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt; quy mô dự án nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư. Đối với Chủ đầu tư được lựa chọn quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP phải có đủ điều kiện về tư cách pháp nhân và năng lực chuyên môn theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản. Đối với Chủ đầu tư được lựa chọn quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 10

của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP thì ngoài các điều kiện quy định tại Điểm c Khoản này phải đảm bảo năng lực tài chính để thực hiện đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản. Trình tự, thủ tục lựa chọn Chủ đầu tư dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình tái định cư được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 84/2013/NĐ-CP. Đối với dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư thực hiện theo hình thức hợp đồng BT quy định tại Điều 12 của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP thì UBND cấp tỉnh có thể xem xét, lựa chọn tổ chức, cá nhân có chức năng kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản làm Nhà đầu tư thực hiện dự án này.

Đối với việc mua nhà ở thương mại bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để bố trí tái định cư, Thông tư này hướng dẫn: Căn cứ kế hoạch phân bổ và tiến độ cung cấp tới từng dự án nhà ở tái định cư đã được phê duyệt, Chủ đầu tư khu nhà ở tái định cư, công trình nhà ở tái định cư lập phương án mua nhà ở thương mại, trong đó nêu rõ: Vị trí, địa điểm, số lượng và chủng loại căn hộ, diện tích sàn mỗi căn hộ, kể cả phần diện tích sử dụng chung của nhà chung cư (trong trường hợp mua toàn bộ căn hộ nhà chung cư đó để bố trí tái định cư); số lượng, diện tích từng nền đất ở có công trình hạ tầng kỹ thuật đã nghiệm thu, dự kiến giá mua nhà ở (trường hợp mua căn hộ chung cư thương mại thì trong giá mua phải bao gồm 2% kinh phí bảo trì theo quy định), dự kiến giá trị chuyển nhượng nền đất ở có hạ tầng kỹ thuật và tiến độ bàn giao nhà ở, đất ở tái định cư, báo cáo Sở Xây dựng. Bên mua nhà thỏa thuận giá mua nhà ở thương mại với các tổ chức có nhà, đất cần bán, chuyển nhượng theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP (trong giá mua nhà ở thương mại, tỉ lệ % lợi nhuận định mức được tính trên

giá trị đầu tư xây dựng nhà ở thương mại), gửi văn bản đề nghị Sở Xây dựng tổ chức thẩm định phương án và giá mua nhà ở thương mại để bố trí tái định cư kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy định tại Điểm d Khoản này. Bên bán nhà có trách nhiệm bảo hành các căn hộ chung cư thương mại, các công trình hạ tầng kỹ thuật trên đất ở tái định cư (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về nhà ở; mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại để gửi 2% kinh phí bảo trì và bàn giao tài khoản kinh phí bảo trì cho Ban quản trị nhà chung cư khi Ban quản trị được bầu để quản lý kinh phí bảo trì này. Bên bán nhà có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị cơ quan chức năng của địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho từng hộ gia đình, cá nhân tái định cư. Việc cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2013/NĐ-CP và phải thông qua Hợp đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này. Bên thuê nhà phải sử dụng đúng mục đích, không được chuyển nhượng, chuyển đổi hoặc cho thuê lại. Giá cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư phải đảm bảo tính đủ các chi phí để thu hồi vốn đầu tư xây dựng, kể cả lãi vay (nếu có), chi phí bảo trì, quản lý vận hành, lợi nhuận định mức 10%, thuế VAT theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Việc quản lý vận hành nhà ở phục vụ tái định cư là nhà chung cư cần đảm bảo nguyên tắc: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, Nghị định số 34/2013/NĐ-C ngày 22/4/2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, Nghị định số 84/2013/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan. Việc quản lý vận hành nhà ở phục vụ tái định cư là nhà chung cư thực hiện theo nguyên tắc lấy thu bù chi, tự trang trải, công khai, minh

bạch. Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư phục vụ tái định cư được hưởng các chế độ như đối với dịch vụ công ích trong hoạt động cung cấp các dịch vụ cho nhà chung cư theo quy định của pháp luật. Đối với nhà ở phục vụ tái định cư là nhà chung cư được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước mà trong đó có diện tích không phải nhà ở và giá trị phần diện tích này không được phân bổ vào giá mua các căn hộ tái định cư thì UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý. Quản lý vận hành nhà ở phục vụ tái định cư là nhà chung cư được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước kể cả trường hợp mua nhà ở thương mại trong nhà chung cư để bố trí tái định cư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về quản lý sử dụng nhà chung cư và quy định của Thông tư này. Khuyến khích Chủ đầu tư dự án nhà ở phục vụ tái định cư ưu tiên hộ gia đình, cá nhân tái định cư (nếu có nhu cầu) được khai thác phần diện tích kinh doanh, dịch vụ thông qua đấu giá theo nguyên tắc công khai, minh bạch nhằm tạo công việc cho các hộ gia đình, cá nhân đó.

Đối với dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư phục vụ dự

án quan trọng quốc gia mà Thủ tướng Chính phủ chưa có quyết định phê duyệt dự án kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư phải thực hiện theo quy định của Thông tư này. Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh chưa có quyết định phê duyệt dự án hoặc trường hợp đã phê duyệt dự án nhưng Chủ đầu tư có đề nghị thay đổi nội dung dự án kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án phải thực hiện theo quy định của Thông tư này. Đối với các dự án khu nhà ở tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng mà vẫn trong thời gian bảo hành theo quy định của pháp luật về nhà ở kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì Chủ đầu tư dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư phải có trách nhiệm bảo hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/7/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 08/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội

Ngày 23/5/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2014/TT-BXD hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định 188/2013/NĐ-CP).

Theo Thông tư này, việc phát triển và quản lý, khai thác, vận hành nhà ở xã hội phải tuân thủ nguyên tắc: Việc phát triển nhà ở xã hội phải tuân thủ theo quy hoạch xây dựng được cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành; bảo đảm đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; nhà ở xã hội phải được quản lý chặt chẽ trong quá trình sử dụng, khai thác vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh và môi trường. Trường hợp chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại, khu đô thị mới phải dành quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội, nhưng chủ đầu tư không có nhu cầu sử dụng quỹ đất

này để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội mà chuyển giao quỹ đất này cho UBND cấp tỉnh nơi có dự án thì việc lựa chọn chủ đầu tư dự án (mới) thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Nghị định 188/2013/NĐ-CP, bảo đảm không thay đổi mục đích sử dụng đất dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Về tiêu chuẩn thiết kế, đối với trường hợp dự án được đầu tư xây dựng bằng một phần hoặc toàn bộ vốn ngân sách nhà nước tại khu vực đô thị (có vốn ngân sách chiếm từ 30% tổng mức đầu tư của dự án trở lên, trong đó không bao gồm tiền sử dụng đất và các khoản chi phí hỗ trợ hạ tầng) thì tiêu chuẩn thiết kế được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 47 của Luật Nhà ở. Tại các khu vực khác không phải là đô thị thì có thể xây dựng nhà ở riêng lẻ, với diện tích đất xây dựng mỗi căn không vượt quá 70 m², hệ số sử dụng đất không vượt quá 2,0 lần và bảo đảm phù hợp với quy hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp dự án được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thì phải thực hiện theo quy định sau đây: Tiêu chuẩn thiết kế phải đáp ứng theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 7 Nghị định 188/2013/NĐ-CP. Trường hợp nhà ở xã hội là nhà chung cư thì tiêu chuẩn thiết kế căn hộ được xác định theo diện tích sử dụng (diện tích thông thủy). Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội liền kề thấp tầng thì phải được Chủ tịch UBND cấp tỉnh chấp thuận. Đối với dự án phát triển nhà ở xã hội tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1 và loại 2 thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng trước khi chấp thuận cho phép chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội liền kề thấp tầng. Nhà ở xã hội liền kề thấp tầng phải bảo đảm quy định diện tích đất xây dựng mỗi căn nhà không vượt quá 70 m², hệ số sử dụng đất không vượt quá 2,0 lần và phù hợp với quy hoạch do cơ quan

nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được dành tỉ lệ diện tích đất trong phạm vi dự án hoặc tỉ lệ diện tích sàn nhà ở của dự án để bố trí công trình kinh doanh thương mại (kể cả nhà ở thương mại) theo quy định sau đây: Được dành 20% tổng diện tích đất ở trong phạm vi dự án phát triển nhà ở xã hội (bao gồm cả dự án sử dụng quỹ đất 20%) để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại nhằm bù đắp chi phí đầu tư, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và giảm chi phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội sau khi đầu tư. Đối với trường hợp dự án phát triển nhà ở xã hội mà phương án quy hoạch chi tiết do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt không bố trí quỹ đất riêng để xây dựng công trình kinh doanh thương mại trong phạm vi dự án thì chủ đầu tư được phép dành 20% tổng diện tích sàn nhà ở của dự án đó để bán, cho thuê, thuê mua theo giá kinh doanh thương mại. Phần diện tích dành để kinh doanh thương mại của dự án phải được hạch toán chung vào toàn bộ dự án phát triển nhà ở xã hội và bảo đảm nguyên tắc lợi nhuận định mức tối đa theo quy định. Ngoài phần diện tích kinh doanh thương mại, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bố trí phần diện tích để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của các hộ dân cư trong phạm vi dự án (khu vực sinh hoạt cộng đồng, để xe và các công trình hạ tầng thiết yếu khác). Phần diện tích này được xác định trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và phương án quy hoạch - kiến trúc do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Theo Thông tư này, mỗi phòng của nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua phải đáp ứng điều kiện tối thiểu sau đây: Diện tích sử dụng phòng ở (gian nhà) không được nhỏ hơn 9 m², chiều rộng thông thủy của phòng tối thiểu không dưới 2,4 m, chiều cao thông thủy của phòng ở chỗ thấp nhất không dưới 2,7 m. Phòng ở phải có

cửa đi, cửa sổ đảm bảo yêu cầu thông gió và chiếu sáng tự nhiên. Tỷ lệ diện tích cửa lấy ánh sáng không nhỏ hơn 1/10 diện tích phòng. Cửa đi phải có chiều rộng lớn hơn hoặc bằng 0,75 m. Cửa đi phải có chốt khóa, cửa sổ phải có chấn song đảm bảo an toàn, an ninh trong sử dụng, phải đảm bảo không gian thuận tiện để bố trí giường ngủ. Phải có đủ ánh sáng chung, phải đảm bảo cho mỗi người tối thiểu 1 ổ cắm điện, mỗi phòng ở phải có riêng một aptomat. Nếu một phòng ở được xây dựng khép kín thì xí, tiểu, tắm phải có tường ngăn cách với chỗ ngủ và phải đảm bảo hợp vệ sinh. Diện tích sử dụng bình quân cho mỗi người để ở không nhỏ hơn 4,5 m² (không tính diện tích khu phụ).

Nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua ngoài việc phải tuân thủ các quy định về phòng ở nêu tại Điều 8 của Thông tư này, còn phải bảo đảm các quy định sau: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở xã hội tại khu vực đô thị từ 2 tầng trở lên mà tại mỗi tầng có từ 2 căn hộ được thiết kế xây dựng theo kiểu khép kín (có phòng ở riêng, khu bếp riêng, nhà vệ sinh, nhà tắm riêng) thì diện tích sử dụng mỗi căn hộ tối thiểu là 30 m² và phải đáp ứng các quy định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành. Nhà phải có kết cấu vững chắc, chống được gió bão, mỗi phòng ở phải có lối ra vào và cửa sổ riêng biệt. Nền nhà phải được lát gạch hoặc láng vữa xi măng. Độ cao của nền nhà phải cao hơn mặt đường vào nhà tối thiểu là 0,3 m và cao hơn mặt sân, hè tối thiểu 0,15 m. Tường bao che và tường ngăn các phòng phải được làm bằng vật liệu bền chắc, bảo đảm yêu cầu phòng cháy, cách âm, cách nhiệt và chống thấm, mặt tường trong phòng nếu xây bằng gạch thì phải trát phẳng và quét vôi hoặc sơn. Mái nhà không được lợp bằng vật liệu dễ cháy và phải bảo đảm không bị thấm giọt. Trường hợp lợp bằng tôn hoặc fibrô xi măng phải có trần chống nóng, chống ồn. Đường dây cấp điện phải đảm bảo an toàn theo quy chuẩn, tiêu

quy định của cơ quan chuyên ngành ban hành, phải có đèn chiếu sáng ngoài nhà đảm bảo đủ ánh sáng khi đi lại. Bảo đảm cung cấp nước sạch tối thiểu 75l/ng/ngày đêm. Trường hợp dùng nước giếng khoan phải có bể lọc bảo đảm tiêu chuẩn nước sạch hợp vệ sinh do cơ quan chuyên ngành ban hành. Phải có đường ống thoát nước kết nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực, mương, rãnh thoát nước phải có nắp đậy. Phải có bể chứa nước phục vụ cứu hỏa và các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định. Mỗi nhà ở (căn hộ) phải có chỗ nấu ăn, chỗ giặt và chỗ phơi quần áo.

Thông tư này quy định: Đối tượng được xét duyệt mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách phải thuộc diện có khó khăn về nhà ở và có điều kiện về cư trú theo quy định. Cụ thể, đối với trường hợp người nộp đơn đề nghị mua, thuê, thuê mua nhà ở chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được Nhà nước hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức là các trường hợp: Chưa có nhà ở và đang phải ở nhờ, thuê, mượn nhà ở của người khác hoặc có nhà ở nhưng đã bị Nhà nước thu hồi đất để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã bị giải tỏa để cải tạo chung cư cũ đã bị hư hỏng, xuống cấp và không được bồi thường bằng nhà ở, đất ở khác; chưa được Nhà nước giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai; chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án khác; chưa được tặng nhà tình thương, nhà tình nghĩa. Trường hợp người nộp đơn đề nghị mua, thuê, thuê mua nhà ở đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội hoặc bị hư hỏng, đột nát là các trường hợp: Có nhà ở là căn hộ chung cư nhưng diện tích bình quân của hộ gia đình dưới 8 m² sàn/người; có nhà ở riêng lẻ nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia

đình dưới 8 m² sàn/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh nơi có nhà ở; có nhà ở riêng lẻ nhưng bị hư hỏng khung - tường và mái và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh nơi có nhà ở. Đối với trường hợp thuê mua nhà ở xã hội thì còn phải nộp lần đầu số tiền bằng 20% giá trị của nhà ở thuê mua, số tiền còn lại được thanh toán theo thỏa thuận với bên cho thuê mua nhưng với thời hạn tối thiểu là 5 năm kể từ thời điểm bên cho thuê mua bàn giao nhà ở cho bên thuê mua.

Hồ sơ đề nghị mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Thông tư này bao gồm: Đơn đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này; giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc về đối tượng và thực trạng nhà ở theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, cơ quan Đảng và đoàn thể hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các đối tượng đang làm việc theo diện hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế của các cơ quan này, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm công tác cơ yếu không phải là quân

nhân được hưởng các chế độ, chính sách như đối với quân nhân theo quy định của pháp luật về cơ yếu; hoặc giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở của UBND cấp xã nơi người có đơn đăng ký hộ khẩu thường trú theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này; giấy tờ chứng minh về điều kiện cư trú và giấy tờ chứng minh về điều kiện thu nhập.

Nguyên tắc xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án: Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng. Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức chấm điểm theo tiêu chí quy định.

Ngoài ra, Thông tư này còn quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; hợp đồng mua bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; quản lý việc sử dụng, vận hành và khai thác nhà ở quỹ xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án; quản lý chất lượng, khai thác và quản lý sử dụng nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/7/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định phân công, phân cấp tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Ngày 18/4/2014, UBND tỉnh Đồng Tháp đã có Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành

Quy định phân công, phân cấp tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh

Đồng Tháp.

Quy định này quy định về phân công, phân cấp tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các cơ quan quản lý nhà nước, UBND các cấp và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan quản lý và sử dụng thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu công trình; thí nghiệm, kiểm định; bảo hành công trình xây dựng; khai thác và sử dụng công trình xây dựng, quản lý an toàn, sự cố công trình xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến xây dựng công trình không phân biệt nguồn vốn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu, đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ: Chủ trì soạn thảo và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; hướng dẫn UBND huyện, thị, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, bao gồm: Công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân có liên quan về công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành; tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành thuộc thẩm quyền thẩm tra của các sở chuyên ngành. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định, bao gồm: Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III, công trình công cộng cấp II, cấp III, nhà chung cư cấp II, cấp III, nhà ở

riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác, riêng các công trình xử lý chất thải rắn độc hại từ cấp IV đến cấp II, trừ các công trình được thẩm tra theo các quy định khác. Tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với các sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn, theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn. Hướng dẫn giải quyết các trường hợp không đạt được thỏa thuận khi có đánh giá khác nhau về chất lượng sản phẩm, chất lượng bộ phận công trình và chất lượng công trình xây dựng giữa các chủ thể nếu các bên liên quan đề nghị.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình chuyên ngành, kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình quy định; phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng chuyên ngành đối với các sự cố cấp II, cấp III. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ trước ngày 05/12 hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành về UBND tỉnh, gửi về đầu mối là Sở Xây dựng.

Ban Quản lý Khu kinh tế kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và phối hợp với Sở

Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình cấp III, cấp IV nằm trong phạm vi khu công nghiệp. Phối hợp với các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau và cấp công trình cao nhất thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý chất lượng xây dựng công trình của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Phối hợp với Sở Xây dựng hoặc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện việc tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng từ công tác khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu công trình xây dựng, thí nghiệm, kiểm định, giám định, bảo hành công trình xây dựng, khai thác và sử dụng công trình xây dựng, quản lý an toàn, sự cố công trình xây dựng, chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành theo quy định. Nhà thầu khảo sát xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp

luật và chủ đầu tư về việc thực hiện các nội dung khảo sát được giao, các nội dung trong hợp đồng đã ký kết, tính trung thực, tính chính xác của sản phẩm khảo sát xây dựng, chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành theo thời gian quy định. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình hành nghề theo đúng năng lực được quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về thực hiện các nội dung thiết kế do mình thực hiện, các nội dung trong hợp đồng đã ký kết, tính chính xác của sản phẩm thiết kế, thực hiện giám sát tác giả, chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành theo quy định. Nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về chất lượng thi công xây dựng công trình, các nội dung trong hợp đồng đã ký kết, đảm bảo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, sử dụng vật liệu đúng chủng loại, tham gia nghiệm thu, bảo hành công trình xây dựng, lưu trữ hồ sơ, chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.dongthap.gov.vn)

Chỉ thị số 04/2014/CT-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

Ngày 19/5/2014, UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Theo Chỉ thị này, từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/2008/CT-UBND ngày 15/10/2008

về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, việc tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật về xây dựng của các tổ chức, cá nhân từng bước có chuyển biến tích cực; việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng giảm dần.

Tuy nhiên, tình trạng các công trình xây dựng không phép, sai phép, vi phạm chỉ giới xây dựng, sai quy hoạch, không đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và không đúng thiết kế được phê duyệt vẫn còn xảy ra thường xuyên... Để khắc phục những tồn tại và yếu kém nêu trên, đồng thời tăng cường hơn nữa công tác quản lý trật tự xây dựng tại địa phương nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14.2007/CT-TTg ngày 13/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng tại các đô thị, UBND tỉnh yêu cầu: UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về quản lý trật tự xây dựng, nâng cao ý thức cộng đồng về trật tự, kỷ cương trong xây dựng trên địa bàn; tổ chức rà soát lại các quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị đã được phê duyệt trên địa bàn, kiểm tra nội dung quy hoạch nếu xét thấy không còn phù hợp phải có kế hoạch tổ chức điều chỉnh hoặc bổ sung; tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị để phục vụ công tác quản lý và cấp Giấy phép xây dựng, ban hành quy định các khu vực phải xin giấy phép xây

dựng khi xây dựng công trình và nhà ở trên địa bàn nông thôn; chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã và Đội Thanh tra Xây dựng phụ trách địa bàn thường xuyên kiểm tra việc xây dựng trên địa bàn nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Phan Thiết và các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và một năm các cơ quan, đơn vị có liên quan và các địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.binhthuan.gov.vn)**



Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng cát mịn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chế tạo bê tông và vữa xây dựng”

Ngày 30/5/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng cát mịn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chế tạo bê tông và vữa xây dựng - mã số TC 26-12”, do Trung tâm Vật liệu Xây dựng Miền Nam - Viện Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng) thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường - Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Lê Văn Quang - Chủ nhiệm đề tài, trong những năm qua, ngành sản xuất bê tông của Việt Nam, nhất là ở khu vực phía Nam, đang đối mặt với tình trạng khan hiếm cát đạt chất lượng. Trong khi đó, nguồn cát mịn tập trung nhiều ở Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre với trữ lượng rất dồi dào (hơn 850 triệu m³) chủ yếu chỉ dành cho san lấp; cát sử dụng cho bê tông còn hạn chế bởi độ bẩn cao, hàm lượng sét lớn, đặc biệt module độ lớn chủ yếu tập trung từ 0,7 - 2,0. Điều này dẫn đến sự lãng phí lớn nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do đó, việc nghiên cứu sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL cho chế tạo bê tông là hết sức cần thiết, nhằm đơn giản hóa khâu thiết kế cấp phối và sử dụng nguyên vật liệu đầu vào sẵn có tại địa phương, góp phần giải quyết khó khăn về khan hiếm cát hạt thô trong xây dựng hiện nay và trong tương lai không xa.

Theo ThS. Lê Văn Quang, thực hiện mục tiêu nghiên cứu sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL làm cốt liệu chế tạo bê tông tới mức 60MPa và vữa xây dựng, xây dựng hướng dẫn sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL để chế tạo bê tông và vữa xây dựng, lập quy trình xử lý cát nhiễm mặn, lẫn nhiều tạp chất, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát sự phân bố và trữ lượng cát vùng ĐBSCL, nghiên cứu các tính chất cơ lý hóa của



Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng nghiệm thu

cát, nghiên cứu sử dụng các loại phụ gia dùng trong bê tông có sử dụng cát mịn, lựa chọn thành phần cấp phối bê tông và vữa sử dụng cát mịn trong vùng có/ không phối trộn với cát nghiền. Trong quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã áp dụng các phương pháp hóa lý tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn, các phương pháp thí nghiệm cơ lý tiêu chuẩn để khảo sát các tính chất của nguyên vật liệu sử dụng, bê tông và hỗn hợp bê tông. Ngoài ra, nhóm còn ứng dụng phương pháp quy hoạch thực nghiệm nghiên cứu để khảo sát tỷ lệ phối hợp các vật liệu thành phần (xi măng Holcim PCB 40, cát nghiền, cát mịn, phụ gia siêu dẻo gốc polycacboxylat, nước), cũng như một số yếu tố ảnh hưởng đến các tính chất của hỗn hợp bê tông và bê tông có sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL.

Nhóm nghiên cứu đã xây dựng được hướng dẫn sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL để chế tạo bê tông và vữa xây dựng; đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng chống thấm ion Clo cho bê tông sử dụng cát mịn bằng các loại phụ gia khoáng hoạt tính để có thể mở rộng phạm vi ứng dụng của loại bê tông này. Theo nghiên cứu, cát của khu vực ĐBSCL được khai thác từ các mỏ cát của lòng sông, chủ yếu là

sông Mê Kông với các đặc tính chủ yếu như: module độ lớn nhỏ hơn 2, phần lớn có module độ lớn dưới 1,4, hàm lượng bụi bùn sét trên 5% (đối với một số vùng cuối thượng lưu sông Mê Kông có hàm lượng bụi bùn sét lên tới 10%), hàm lượng tạp chất hữu cơ ở một số vùng đầu nguồn ngang với màu chuẩn, còn hầu hết sẫm hơn màu chuẩn, hàm lượng hạt mịn dưới 0,14 mm trong cát chiếm tỷ lệ trên 10%. Với các đặc tính đó, trước khi sử dụng cho bê tông và vữa cần sàng rửa để loại bỏ các thành phần tạp chất trong cát. Nhóm nghiên cứu đã đưa ra được quy trình xử lý sàng rửa để loại bỏ các tạp chất có hại trong cát, để đảm bảo sau khi sàng rửa, cát có các tính chất cơ lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn hiện hành. Trong quá trình nghiên cứu thực nghiệm, nhóm đề tài đã sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL để chế tạo một số cấu kiện bê tông tại nhà máy bê tông ly tâm Thủ Đức. Thí nghiệm các cấu kiện đó cho thấy, các tính chất bê tông sử dụng cát mịn tương đương với cát hạt thô tại nhà máy đang sản xuất.

Các ủy viên phản biện và thành viên của Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn, ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật của đề tài. Tuy nhiên, để hoàn thiện, các thành viên Hội đồng đã đề nghị nhóm nghiên cứu đi sâu nghiên cứu một số nội dung như: phương pháp phối cát hạt thô

và hạt mịn; vật liệu đầu vào và đầu ra; điều chỉnh độ sụt tương ứng với độ phân tầng tách nước..., đồng thời cần rà soát lại các số liệu cho chuẩn xác.

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí đánh giá, đây là một đề tài được thực hiện rất tốt. Tài liệu Hướng dẫn sử dụng cát mịn vùng ĐBSCL để chế tạo bê tông và vữa xây dựng sẽ có hiệu quả lớn hơn khi được nâng cấp thành Tiêu chuẩn xây dựng (TCXD) thay thế TCXD 127 hiện hành "Cát mịn để làm bê tông và vữa xây dựng - Hướng dẫn sử dụng" ban hành từ năm 1985 đã thể hiện nhiều bất cập. Theo hướng này, TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm đề tài tập trung biên soạn lại Hướng dẫn theo yêu cầu một văn bản tiêu chuẩn, bổ sung nghiên cứu đặc điểm cát vùng ĐBSCL, các yêu cầu về thành phần hạt sau khi rửa, phương pháp cấp phối, yêu cầu về vữa... theo các ý kiến phản biện và của toàn Hội đồng, hoàn thiện báo cáo đề tài trình Bộ Xây dựng vào tháng 8/2014 để gửi Bộ Khoa học & Công nghệ thẩm định và công bố.

Đề tài đã được Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Nghiệm thu nhiệm vụ "Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - giai đoạn 2"

Ngày 03/6/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu nhiệm vụ "Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - giai đoạn 2" do Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng

chủ trì cuộc họp.

Báo cáo Hội đồng về kết quả thực hiện nhiệm vụ, TS.KTS Lưu Đức Cường - Giám đốc Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn cho biết, theo đánh giá của nhiều tài liệu nghiên cứu, Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài và có hơn 300 đô thị ven biển, sẽ là nước chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, do đó việc nghiên

cứu những tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các đô thị, đề xuất các giải pháp ứng phó là hết sức cần thiết.

Mục tiêu tổng quát của nhiệm vụ là đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, từ đó đề xuất các giải pháp ứng phó làm cơ sở để xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trong xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Trong khuôn khổ thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị” có 03 giai đoạn, giai đoạn 2 triển khai nghiên cứu đối với 05 đô thị (TP. Cẩm Phả, Thị trấn Diêm Điền, Thị xã Cửa Lò, Thị trấn Phan Rí Cửa, TP. Bạc Liêu) trong vùng có khả năng bị ảnh hưởng đáng kể theo kịch bản quốc gia (kịch bản trung bình) về biến đổi khí hậu và nước biển dâng, thuộc vùng ven biển, cửa sông, đồng bằng ngập lũ và đại diện cho các cấp đô thị, trong vùng có tính nhạy cảm về môi trường.

Kế thừa và rút kinh nghiệm từ việc thực hiện giai đoạn 1 và học hỏi kinh nghiệm quốc tế, trong giai đoạn 2, nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp đánh giá tính dễ tổn thương của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trước các biến cố, các tác động của biến đổi khí hậu gồm nền xây dựng, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn.

Từ các nghiên cứu về hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của các đô thị trong phạm vi nghiên cứu, tổ hợp với kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng theo dự báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhóm nghiên cứu đã phân tích, đánh giá về khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng của từng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng bản đồ ngập lụt của các đô thị, kiến nghị các giải pháp ứng phó cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Theo TS. KTS Lưu Đức Cường, các yếu tố liên quan đến biến đổi khí hậu trong tương lai cần được lồng ghép vào quá trình lập quy



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

hoạch, thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị... để đảm bảo cho các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị có thể có khả năng chịu tải trong các trường hợp kịch bản rủi ro lớn nhất.

Đánh giá về các kết quả nghiên cứu, các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng đều đánh giá cao sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc của nhóm tác giả, khối lượng công việc thực hiện lớn, dữ liệu phong phú và cơ bản đáp ứng các yêu cầu đặt ra theo đề cương được duyệt. Trong đó, các chuyên gia đánh giá cao việc nhóm tác giả đã đưa ra được bản đồ ngập lụt của các đô thị nghiên cứu theo kịch bản biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các chuyên gia của Hội đồng cũng đóng góp thêm nhiều ý kiến giúp nhóm tác giả hoàn thiện báo cáo tổng hợp cũng như xây dựng các đề xuất mang tính khả thi và cụ thể hơn.

Thay mặt Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa đã phát biểu tổng kết các ý kiến của các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu. Đồng thời, TS. Nguyễn Trung Hòa cũng đề nghị nhóm tác giả cập nhật các số liệu mới, tích hợp các kết quả nghiên cứu của các đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt của các đô thị nghiên cứu; phản kiến nghị trong báo cáo phải được rút ra từ kết quả nghiên cứu đối với từng vùng, từng đô thị và phải phù hợp với các nhóm giải pháp đề xuất... để hoàn thiện báo cáo trình Bộ Xây dựng trong tháng 7/2014.

Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa và các thành viên Hội đồng đã nhất trí thông qua, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ

thuật đô thị - giai đoạn 2” với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn soát xét TCVN 6530 “Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử”

Ngày 03/6/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKH chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn soát xét Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6530 “Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử” mã số TC 58-13 do Viện Vật liệu Xây dựng, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trình bày tóm tắt sự cần thiết và các nội dung cần soát xét TCVN 6530, ThS. Cao Tiến Phú – Trung tâm Kiểm định VLXD - Viện VLXD cho biết, các tiêu chuẩn thí nghiệm vật liệu chịu lửa (VLCL) của Việt Nam được xây dựng từ năm 1986, phiên bản hiện hành là Tiêu chuẩn TCVN 6530 được bắt đầu soát xét và xây dựng bổ sung từ năm 1999. Tiêu chuẩn gồm 13 phần, quy định các phương pháp thử các tính chất cơ - lý - nhiệt của VLCL định hình. Theo ThS. Cao Tiến Phú, TCVN 6530 các phần từ 1 đến 6, phần 9, phần 10 được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn ISO tương ứng; phần 7 - dựa trên nội dung tiêu chuẩn Anh BS 1902; phần 8 - tham khảo các tiêu chuẩn ASTM và GB; các phần còn lại dựa trên cơ sở ASTM, EN và GB.

Từ khi áp dụng tới nay, thực tế thử nghiệm cho thấy có những nội dung kỹ thuật trong các tiêu chuẩn cần được sửa đổi, bổ sung theo xu hướng hội nhập với các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời bảo đảm ứng dụng thuận lợi, phù hợp điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay, do đó, việc soát xét TCVN 6530 là kịp thời và cần thiết.

Trong quá trình soát xét và biên soạn Dự thảo Tiêu chuẩn, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

các tài liệu kỹ thuật về thử nghiệm, các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực như EN, JIS, ASTM để xây dựng tiêu chuẩn phương pháp thử mới; bố cục lại các phần, mục và quy định trình bày tiêu chuẩn theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam (quy định theo TCVN 1-2:2008). Tiêu chuẩn TCVN 6530 gồm 13 phần được xây dựng thành 13 dự thảo, được nhóm tác giả rà soát và bổ sung căn cứ vào các phiên bản tiêu chuẩn tham khảo mới nhất tương ứng hiện hành. Ví dụ: trong dự thảo TCVN 6530 phần 1 - Phương pháp xác định cường độ nén ở nhiệt độ thường, nhóm đã bổ sung một số định nghĩa như “độ bền nén nguội” và “vật liệu đặc định hình”; bổ sung các quy định chặt chẽ hơn đối với phần dụng cụ thiết bị như má ép, dung sai bề mặt phẳng so với mẫu thử, tiết diện má ép trên... đối với máy nén. Trong dự thảo TCVN 6530 phần 2 - Phương pháp xác định khối lượng riêng, sau khi tham khảo các tiêu chuẩn tương ứng ISO 5018, EN... nhóm đã bổ sung các thiết bị dụng cụ bé điều nhiệt (sử dụng để khống chế

và ổn định nhiệt độ mẫu thử cùng chất lỏng khi ngâm); điều chỉnh áp suất khi hút chân không đối với mẫu thử... Trong dự thảo TCVN 6530 phần 3 - Phương pháp xác định khối lượng thể tích, độ xốp biểu kiến, độ hút nước và độ xốp thực, qua quá trình nghiên cứu ISO 5017 phiên bản 2013, và các tiêu chuẩn EN tương ứng, nhóm đã mạnh dạn đề xuất thay đổi, bổ sung phần phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn; phần thiết bị (tủ sấy, máy cắt, máy khoan); phần mẫu thử và quy trình tiến hành thử nhằm tránh sai lệch kết quả - đây là thực tế mà nhiều đơn vị sản xuất VLCL đã gặp phải (do trong quá trình cân mẫu thử trong không khí, có thể một phần lượng chất lỏng thoát ra khỏi mẫu thử, và không khí chiếm chỗ trong quá trình cân lại mẫu thử trong chất lỏng)...

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá rất cao ý nghĩa kinh tế - kỹ

thuật của đề tài. Đề tài đã đáp ứng tính cấp thiết về phương pháp thử, đánh giá chất lượng sản phẩm đối với VLCL. Để hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến chuyên môn về nội dung kỹ thuật; chuẩn hóa của một số thuật ngữ - định nghĩa và văn phong văn bản.

Phát biểu kết luận cuộc họp, ThS. Trần Đình Thái đồng tình với các nhận xét và góp ý xác đáng của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo Tiêu chuẩn để sớm hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Khoa học & Công nghệ thẩm định, ban hành.

Dự thảo Tiêu chuẩn soát xét TCVN 6530 đã được Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lê Minh

Nghiệm thu đề tài: Điều tra, khảo sát, đề xuất phương án và công nghệ thích hợp xử lý bùn cặn từ hệ thống thoát nước đô thị

Ngày 05/6/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu các kết quả của Đề tài “Điều tra, khảo sát, đề xuất phương án và công nghệ thích hợp xử lý bùn cặn từ hệ thống thoát nước đô thị - mã số MT 13-09” do Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm tác giả, PGS. TS Trần Đức Hạ (Chủ nhiệm Đề tài) đã báo cáo tóm tắt lý do, sự cần thiết và quá trình thực hiện đề tài. Theo báo cáo, Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 đã nêu rõ những yêu cầu cấp bách và nội dung cần thực hiện để giải quyết vấn đề thoát nước đô thị, trong đó có thu gom và xử lý bùn cặn. Hiện nay,



TS. Nguyễn Trung Hòa kết luận cuộc họp

hầu hết các đô thị Việt Nam đều có hệ thống thoát nước chung với lượng bùn cặn, nước thải tương đối lớn. Số lượng lớn, độ ẩm cao, thành phần lại đa dạng, phức tạp, thay đổi theo thời gian và điều kiện khí hậu, thời tiết, nên bùn cặn hệ thống thoát nước rất khó thu gom, vận chuyển, dễ gây ô nhiễm môi trường nếu thu

gom và vận chuyển không đúng quy cách. Việc xử lý bùn cặn không hợp vệ sinh cũng sẽ gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm và môi trường không khí trong khu vực. Tuy đã được đề cập tới trong một số dự án và chương trình nghiên cứu khoa học (như các dự án vệ sinh môi trường 3 thành phố Hải Phòng, Hạ Long, Đà Nẵng do Ngân hàng Thế giới tài trợ đã có một số hạng mục công trình như chứa và chôn bùn tại các bãi Tràng Cát - Hải Phòng; kết hợp xử lý bùn cặn nước thải với bùn cặn bể tự hoại tại hố xử lý bùn trạm xử lý nước thải Cái Dăm), song cho tới nay, nước ta vẫn chưa có một nghiên cứu hoàn chỉnh nào về đặc điểm các loại bùn cặn trong hệ thống thoát nước đô thị. Các biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý bùn cặn chưa hợp lý, thiếu tính kinh tế, làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường đô thị. Thực trạng trên đây đã khẳng định tính cấp thiết của đề tài.

Với mục tiêu đánh giá sự hình thành, số lượng và tính chất các loại bùn cặn sơ cấp trong hệ thống thoát nước đô thị, đề xuất công nghệ xử lý và tái sử dụng bùn cặn sơ cấp tại một số đô thị lớn, nhóm tác giả đã xác định rõ nội dung nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu (là hệ thống thoát nước các đô thị loại đặc biệt và loại 1 như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh). Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm đã tiến hành nghiên cứu sự hình thành, số lượng cũng như tính chất hệ thống thoát nước các đô thị; nguồn gốc bùn thải từ hệ thống thoát nước; phương pháp xử lý bùn thải - theo 02 phương pháp nạo vét thủ công và cơ giới. Bùn cặn nạo vét do có độ ẩm tương đối lớn nên cần được tách nước ngay sau khi nạo vét bằng cách quay ly tâm, tạo xung... Hiệu quả tách nước sơ bộ rất cao, làm giảm từ 20 - 50% lượng nước ban đầu trong bùn cặn. Tách nước sơ bộ tại điểm tập kết bùn cặn còn làm giảm đáng kể khối lượng vận chuyển cũng như hạn chế được nước chảy dọc theo tuyến vận chuyển, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhóm tác giả đã nghiên cứu trên mô hình hiện trường thiết bị xyclon thủy lực để tách

nước sơ bộ tại chỗ. Nhóm cũng đã triển khai nghiên cứu và đề xuất công nghệ ủ bùn cặn trên bãi. Theo đó, bùn cặn hệ thống thoát nước được vận chuyển về làm khô và ổn định trên bãi ủ. Tại bãi cũng có thể tiếp nhận bùn cặn bể tự hoại hoặc bùn từ các trạm xử lý nước thải, nhờ đó bùn cặn được ổn định để có thể làm nguyên liệu làm phân bón, cải tạo đất, san nền hay các mục đích dân sinh khác; đồng thời các tác nhân gây ô nhiễm trong bùn cặn như mùi hôi, vi khuẩn, nước rỉ được xử lý tốt, đảm bảo yêu cầu vệ sinh. Hơn nữa, việc vận chuyển bùn cặn được làm khô sẽ đơn giản hơn, đem lại hiệu quả thiết thực về mặt kinh tế và môi trường.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tế của Đề tài cũng như nỗ lực của nhóm tác giả để hoàn thành nhiệm vụ, đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Bên cạnh đó, để Đề tài được hoàn thiện, các thành viên Hội đồng đã đóng góp ý kiến về một số nội dung cần bổ sung (tổng quan tình hình nạo vét bùn cặn trong và ngoài nước, phương pháp thu gom - vận chuyển bùn, phân loại tạp chất trước khi tách nước...). Đặc biệt, Hội đồng lưu ý nhóm tác giả chú trọng điều kiện mặt bằng, điều kiện vệ sinh môi trường tại hiện trường, để đề tài có tính khả thi cao, hiệu quả kinh tế lớn. Các đề xuất chỉnh sửa bố cục mạch lạc, gọn nhẹ hơn, cập nhật số liệu... cũng được Hội đồng đưa ra cho nhóm tác giả.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả tiếp thu, nghiên cứu và chỉnh sửa đề tài theo các ý kiến của Hội đồng nghiệm thu, hoàn chỉnh báo cáo trước tháng 8/2014. Đề tài được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bắc Ninh

Ngày 02/6/2014 tại Hà Nội, Hội đồng Thẩm định quốc gia về nâng loại đô thị đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bắc Ninh. Tham dự Hội nghị có các thành viên Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Hội nghề nghiệp. Về lãnh đạo địa phương có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tiến Nường, đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng và UBND thành phố Bắc Ninh. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, báo cáo tóm tắt nội dung của Đề án, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh Nguyễn Quốc Liêm cho biết, thành phố Bắc Ninh là trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa - thương mại - dịch vụ - du lịch của tỉnh Bắc Ninh, có vị trí chiến lược về kinh tế quốc phòng khu vực phía bắc sông Hồng. Là tỉnh có diện tích nhỏ nhất Việt Nam, dân số không đông, tuy nhiên giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Bắc Ninh nằm trên hai hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Thành phố tỉnh lỵ Bắc Ninh nằm cách Thủ đô Hà Nội 30 km về phía Đông Bắc, cách Sân bay quốc tế Nội Bài 30 km, nằm trên trục đường Quốc lộ 1A, QL 18, QL 38, tuyến QL1 mới đoạn Hà Nội - Lạng Sơn, tuyến QL 18 mới đoạn Bắc Ninh - Nội Bài, hiện có đường sắt quốc gia và theo quy hoạch sẽ có tuyến đường sắt xuyên Á đi qua. Với vị trí thuận lợi như vậy, thành phố Bắc Ninh là đầu mối giao thông của tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có vai trò động lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa không chỉ đối với tỉnh Bắc Ninh mà còn với cả khu vực phía Bắc Thủ đô Hà Nội. Trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 2005, sau khi thị xã Bắc



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

Ninh được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III (Quyết định 873/2005/QĐ-BXD), và năm 2006 được công nhận là thành phố (Nghị định 15/2006/NĐ-CP) - thành phố Bắc Ninh đã phát huy truyền thống của vùng đất Kinh Bắc nghìn năm văn hiến, khai thác mọi tiềm năng thế mạnh, thu hút tối đa mọi nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Không chỉ nổi tiếng là quê hương quan họ với những di sản văn hóa, kiến trúc đình chùa và các lễ hội nổi tiếng như Hội Lim, Hội Đền Đô, Hội Đền Bà Chúa Kho, Bắc Ninh trong những năm qua còn là một trong số ít các địa phương đạt được nhiều thành tích ấn tượng trong sự nghiệp đổi mới chung của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố Bắc Ninh liên tục đạt mức cao, giai đoạn 2011 - 2013 đạt 13,3%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với cơ cấu chung của toàn tỉnh. Khu vực thương mại dịch vụ và công nghiệp xây dựng giữ vai trò chủ đạo: công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ trọng 48,3%, thương mại dịch vụ 48% và nông lâm ngư nghiệp 3,7%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 là 77,6 triệu đồng, bằng 1,87 lần mức bình quân trên cả nước. Thành phố Bắc Ninh hiện có 02 khu công

nghiệp tập trung, 05 cụm công nghiệp và 01 làng nghề, các công trình phục vụ công cộng và cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, góp phần tạo diện mạo ngày càng tươi đẹp cho thành phố. Về cơ bản, thành phố Bắc Ninh đã hội tụ đủ các chỉ tiêu của đô thị loại II theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bắc Ninh không những sẽ làm tăng thêm niềm tự hào cho Chính quyền và nhân dân địa phương, tạo nhiều động lực để thành phố phát triển bền vững hơn, mà còn là sự ghi nhận những nỗ lực không ngừng của thành phố trên chặng đường hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội Đại biểu Bắc Ninh lần thứ XVIII và Đảng bộ thành phố Bắc Ninh lần thứ XX, đặc biệt là Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến 2030 - đưa Bắc Ninh tiến tới trở thành thành phố trực thuộc trung ương vào những năm 20 thế kỷ XXI; và thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và huyện Tiên Du sẽ là đô thị lõi với chức năng là trung tâm tổng hợp, là “đầu tàu và hạt nhân” thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh.

Nhận xét về Đề án, các báo cáo thẩm định của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng và ý kiến phát biểu của các thành viên khác của Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Bắc Ninh đã đạt được trên chặng đường phấn đấu trở thành đô thị loại II, với rất nhiều chỉ tiêu đạt cao như tăng trưởng bình quân, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ nhà kiên cố... Theo đánh giá của các thành viên Hội đồng, điều đó chứng tỏ bức tranh kinh tế, quản lý phát triển đô thị của địa phương rất sáng. Cũng theo ý kiến của nhiều thành viên

Hội đồng, một số chỉ tiêu tuy điểm tổng chưa cao, song tạo ấn tượng mạnh về chất lượng thực tế (các chỉ tiêu về hệ thống công trình hạ tầng đô thị và kiến trúc, cảnh quan đô thị). Một số tiêu chí như đất cây xanh, cấp nước...đạt thấp so với tiêu chuẩn đô thị loại II, những vấn đề xung quanh bảo tồn và phát huy văn hóa di sản của Bắc Ninh để có thể phát triển du lịch thành một ngành mũi nhọn đã được Hội đồng thảo luận và đề xuất một số ý kiến rất thiết thực cho địa phương. Đại diện Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch nhận xét: Xét theo trục di chuyển của một tour du lịch thì vị trí gần Hà Nội là một lợi điểm, song mặt khác đó cũng là điều bất lợi để thu hút du khách nếu Bắc Ninh không tạo dựng được bản sắc riêng trong các sản phẩm du lịch. Để hướng tới mục tiêu xây dựng thành phố Bắc Ninh trở thành một trung tâm du lịch tâm linh - sinh thái, thành phố cần tạo ra sự liên kết giữa các tuyến điểm du lịch nội vùng và liên vùng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch trên cơ sở giữ gìn phát huy nét đặc thù truyền thống.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của các thành viên Hội đồng, công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bắc Ninh với số điểm trung bình 81,92 điểm. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, đây là một trong số ít địa phương có sự quản lý thực hiện quy hoạch rất tốt, thông qua quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch ngành. Sau khi được nâng loại, Chính quyền tỉnh và thành phố cần xác định rõ chương trình phát triển đô thị để phát triển du lịch, thu hút đầu tư, cần rà soát các công việc thực hiện theo quy hoạch, tất cả những công việc trên nhằm tạo dựng hình ảnh một thành phố phát triển bền vững, một thành phố xanh - sạch - đẹp, thành phố sống tốt trong tương lai.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Đông Triều mở rộng là đô thị loại IV

Ngày 06/6/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Đông Triều mở rộng (huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh) là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - gồm các đại diện của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các Hội nghề nghiệp. Đại diện lãnh đạo địa phương dự Hội nghị có ông Đặng Huy Hậu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, bà Nguyễn Thị Huân - Bí thư huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Đông Triều và đại diện các cơ quan chuyên môn của tỉnh Quảng Ninh, huyện Đông Triều. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Trình bày tóm tắt nội dung của Đề án, ông Vũ Văn Học - Chủ tịch UBND huyện Đông Triều cho biết, Đông Triều là huyện miền núi phía tây tỉnh Quảng Ninh, có địa giới hành chính gồm 19 xã và 02 thị trấn, là cửa ngõ của tỉnh kết nối với Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, nơi có tuyến đường sắt Kép - Hạ Long và Quốc lộ 18A, tỉnh lộ 332, 333, trong tương lai sẽ có tuyến hành lang xuyên Á Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh đi qua. Đông Triều có trữ lượng tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú (than đá, đá vôi), và là địa phương có truyền thống văn hóa lâu đời, gắn với cụm di tích các đời vua nhà Trần và các di tích lịch sử - cách mạng nổi tiếng. Khu vực đô thị Đông Triều gồm thị trấn Đông Triều là thị trấn huyện lỵ - trung tâm kinh tế, văn hóa của toàn huyện Đông Triều và là đô thị loại V; thị trấn Mạo Khê là trung tâm khai thác than đá - trung tâm công nghiệp thương mại dịch vụ của huyện và đã được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV; các xã Xuân Sơn, Kim Sơn, Hưng Đạo, Đức Chính với tổng diện tích tự nhiên xấp xỉ 5125 ha. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Trung ương và Chính quyền địa



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị

phương, huyện Đông Triều, nhất là thị trấn Đông Triều mở rộng đã có những bước chuyển mình rõ rệt, đạt được nhiều thành tựu ấn tượng trên tất cả các lĩnh vực. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2010 - 2012 đạt 12,6%, thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 1.403 USD, bằng 1,08 mức bình quân của cả nước, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,91%, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 70,68%, tỷ lệ đô thị hóa đạt 46,7%. Đánh giá theo 06 chỉ tiêu và 49 tiêu chí quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thị trấn Đông Triều mở rộng đã hội tụ đủ các yếu tố để xét nâng lên thành đô thị loại IV. Việc nâng loại cho thị trấn Đông Triều phù hợp với Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội huyện Đông Triều đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cũng như Kế hoạch tổng thể phát triển đô thị huyện Đông Triều và thành lập thị xã Đông Triều năm 2015, đặc biệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2010 - 2012 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 đã định hướng “cho đến năm 2015 định hướng phát triển đô thị Đông Triều gồm thị trấn Đông Triều và thị trấn Mạo Khê thành đô thị loại IV”.

Nhận xét về Đề án, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá rất cao sự phát triển mạnh mẽ, đổi thay toàn diện của Đông Triều trong thời gian qua. Theo báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng), những thành tích của Đông Triều được thể hiện rất ấn tượng qua 30/49 chỉ tiêu đạt tối đa và vượt mức quy định so với tiêu chuẩn một đô thị loại IV; 15/49 chỉ tiêu đạt; trong đó có rất nhiều tiêu chí về kinh tế xã hội, hạ tầng đô thị. Tuy nhiên, địa phương vẫn cần khẩn trương xây dựng quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thực hiện đúng quy hoạch nhằm tạo quỹ đất phát triển trong tương lai; chú ý đào tạo đội ngũ công chức đô thị (phản biện của Bộ Nội vụ). Địa phương cần quan tâm thường xuyên nâng cấp tu bổ các công trình di sản trên địa bàn; xây dựng thiết chế văn hóa, hoàn thiện hơn sản phẩm du lịch để Đông Triều xứng tầm là một trung tâm du lịch văn hóa tâm linh (ý kiến của Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch).

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Đặng Huy Hậu bày tỏ cảm ơn những ý kiến đóng góp rất tâm huyết của các thành viên Hội đồng, và cho rằng, những ý kiến đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới sự phát triển bền vững của Đông Triều trong tương lai. Ông Hậu cũng cho biết những định hướng cụ thể của UBND tỉnh nhằm phát triển du lịch tâm linh, du lịch làng quê Đông Triều; cải thiện môi trường đô thị và môi trường nông thôn; nâng cao năng lực quản lý của chính quyền đô thị (thông qua việc thực hiện dự án Chính quyền điện tử, lập các trung tâm hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện để giải quyết nhanh gọn các giao dịch dân sự).

Kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng Thẩm định - Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn nhất trí với Hội đồng, công nhận thị trấn Đông Triều mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, với điểm số trung bình 84,64 điểm. Tuy nhiên, Thứ trưởng cũng lưu ý tỉnh Quảng Ninh và thị trấn Đông Triều cần chú trọng hơn nữa tới chất



Phó Chủ tịch tỉnh Quảng Ninh - ông Đặng Huy Hậu phát biểu tại Hội nghị

lượng đô thị, tập trung đầu tư các công trình hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội, các không gian công cộng, khu vui chơi giải trí, những công trình điểm nhấn của địa phương... để sau khi được nâng loại, cuộc sống người dân thực sự tốt đẹp hơn. UBND tỉnh và huyện khẩn trương xây dựng quy chế quản lý, triển khai các quy hoạch đô thị (do đặc thù trên địa bàn có đường tránh và nhiều tuyến Quốc lộ đi qua). Về môi trường đô thị, cần chú trọng kiểm soát chặt chẽ các tác động ô nhiễm từ các cụm và khu công nghiệp trên địa bàn. Về du lịch, để thực hiện tốt vai trò là trung tâm du lịch văn hóa tâm linh của cả nước, Thứ trưởng lưu ý địa phương cần chú ý kết nối cụm di tích Yên Tử với cụm di tích các vua Trần và cụm Côn Sơn - Kiếp Bạc.

Thay mặt Hội đồng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đã đánh giá rất cao công tác phát triển đô thị trong toàn tỉnh Quảng Ninh nói chung và thị trấn Đông Triều mở rộng nói riêng, thể hiện qua con số rất ít đô thị sắp tới mới là thị xã, song đã xây dựng được hai chương trình phát triển đô thị như Đông Triều. Điều này một lần nữa khẳng định quyết tâm của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân địa phương trên chặng đường xây dựng một đô thị Đông Triều vững mạnh, giàu đẹp hơn sau khi được nâng loại, và hướng tới được tiếp tục nâng loại cao hơn nữa trong những năm tới đây.

Lệ Minh

Các phương pháp và thiết bị kiểm tra mạng lưới đường ống cấp thoát nước

Các máy móc và thiết bị kiểm tra đánh giá đồng bộ đối với tình trạng của đường ống đã và đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình khai thác hệ thống đường ống cấp thoát nước. Trên thực tế các rô bốt ghi hình đã và đang được sử dụng khá phổ biến để di chuyển dọc theo đường ống, tiến hành kiểm tra phát hiện các dấu hiệu hư hỏng trên đường ống. Đó là các loại thiết bị ghi hình đặt trên xe bánh lốp hoặc bánh xích, trên xe trượt hoặc dưới dạng mô đun nổi.



Hình 1: Các rô bốt ghi hình sử dụng trong kiểm tra hệ thống đường ống cấp nước, dẫn chuyển nước và thoát nước - Telerobot-N2 và Telerobot-N2-2

Trong những năm qua, kết cấu của các rô bốt ghi hình cũng như các cụm chi tiết (chiếu sáng, di chuyển, chụp ảnh kỹ thuật số...) của thiết bị này đã có những thay đổi đáng kể, cho phép nhận được những hình ảnh rõ nét hơn nhiều về mọi hư hỏng có kích thước nhỏ của đường ống (như lỗ rò, vết nứt, bong mối hàn,...). Các phương pháp mới được nghiên cứu và triển khai cho phép chế tạo các thiết bị ghi hình có khả năng phóng to hình quang học thực hiện chụp ảnh chất lượng cao đối với đường ống khảo sát với khoảng cách khảo sát lên đến 20 - 30 mét sau đó có thể phóng to hình ảnh giúp việc nghiên cứu chi tiết. Việc hình thành các bức ảnh mang tính khách quan hơn đối với vị trí và sự phân bố của các đối tượng hư hỏng dọc theo chu vi hoặc chiều dài đường

ống đòi hỏi việc rửa trước đường ống trước khi sử dụng các loại thiết bị ghi hình quan sát từ xa nêu trên.

Đối với mạng đường ống không áp lực và ống có kích thước nhỏ mà đặc trưng bởi lưu lượng rất không đồng đều vào các thời điểm khác nhau trong ngày đêm, mức độ đổ đầy nước của đường ống bị thay đổi (từ mức 20% cho đến 80%) kể cả tình trạng mức độ chảy rối của dòng nước thải đạt tới mức cao thì thông thường việc kiểm tra đánh giá tình trạng đường ống thông qua việc sử dụng các loại thiết bị quan sát từ xa nêu trên trở nên không hiệu quả. Ngay cả thiết bị ghi hình quan sát từ xa đặt trên thiết bị nổi trên mặt nước sử dụng cho việc quan sát, đánh giá tình trạng phần đường ống phía trên mặt nước cũng không cho hiệu quả mong đợi, do sự xuất hiện của sóng nước trên bề mặt nước (sự không ổn định của vị trí của bề mặt tự do của nước) và không cho phép quan sát phần đường ống nằm dưới mặt nước.

Thời gian qua, công nghệ mới có tên là “Sonar” đã bắt đầu được sử dụng trong các thiết bị nổi với vai trò như một mô đun độc lập hoặc được kết hợp với thiết bị ghi hình video. Việc áp dụng công nghệ này cho phép khảo sát phần đáy của ống và xác định vị trí tích tụ bùn cặn với các nguồn gốc khác nhau.

Trong một số mô đun “Sonar” cải tiến được lắp đặt thiết bị ghi biên dạng bằng la de và bộ cảm biến phát hiện sulfua hydro, qua đó biến một thiết bị nhỏ gọn thành thiết bị đa chức năng; thiết bị đa năng này với một lần di chuyển bên trong đường ống có thể vừa thực hiện chụp ảnh video đối phần đường ống nằm phía trên mặt nước và cả phần đường ống dưới mặt nước, tiến hành ghi biên dạng bằng la de và phát hiện chất sulfua hydro.

Những kết quả nghiên cứu mới thực hiện trong những năm vừa qua trong lĩnh vực kiểm

tra đánh giá tình trạng đường ống đã đề cập đến các vấn đề như nâng cao hiệu quả làm việc của thiết bị được sử dụng để xác định vị trí các chỗ rò rỉ dạng kín và xác định chiều dày thành đường ống. Thuộc dạng thiết bị này còn gồm có thiết bị cảm biến phát hiện rò rỉ điều khiển từ xa sử dụng âm thanh hoặc kỹ thuật tương quan; loại thiết bị trên có khả năng hoạt động độc lập hoặc được đặt trực tiếp vào đường ống với sự hỗ trợ của nam châm. Thiết bị được trang bị các mô đun chuyên dụng có khả năng truyền tín hiệu đi xa đến tận trung tâm điều khiển nơi trên cơ sở phân tích hàng loạt các thông số sẽ tiến hành đánh giá khả năng xảy ra rò rỉ tại một vị trí nào đó trên đường ống. Ngoài ra còn loại thiết bị khác gọi là tai nghe đất có khả năng xác định sự rò rỉ nước từ đường ống ngầm thông qua nghe tiếng động trong đất dọc theo tuyến đường đặt đường ống ngầm để xác định cái gọi là mức tiến ồn lớn nhất, nơi thường là vị trí xảy ra rò rỉ nước từ đường ống. Đối với loại đường ống có áp lực, việc xác định vị trí rò rỉ được thực hiện bằng công nghệ mới trên cơ sở tính toán chiều dày dư của thành đường ống.

Đối với việc kiểm tra đánh giá tình trạng của đường ống cấp nước ăn, những phương pháp khảo sát sau đây được sử dụng: Phương pháp phân tích khả năng xảy ra sự cố và tình trạng đất tương ứng với những khoảng thời gian nhất định; thí nghiệm thủy lực; khảo sát tình trạng bề mặt trong của thành đường ống bằng thiết bị ghi hình video; phương pháp kiểm tra không phá huỷ.

Một số công nghệ mới áp dụng cho việc kiểm tra đường ống cấp nước ăn có khả năng nhìn, nghe và xác định vị trí rò chảy trong đường ống kể cả phát hiện vị trí kết nối trái phép từ các ngôi nhà vào hệ thống đường ống cấp nước ăn, sự xuất hiện của các phụ kiện đường ống ngoài ý muốn, sự thay đổi hướng của dòng chảy trong mạng đường ống phân phối và sự thay đổi đặc tính (chiều dày) của vật liệu chế tạo đường ống do sự ăn mòn.

Đối với đường ống có đường kính lớn, việc phát hiện rò rỉ có thể được thực hiện bằng thiết bị hoạt động trên cơ sở nổi tự do trên mặt nước và được gắn với hệ thống cáp. Trên hình 3 giới thiệu loại thiết bị nổi trên mặt nước có gắn bộ dò phát hiện rò rỉ dạng quả cầu được sử dụng



Hình 2: Thiết bị quan sát điều khiển từ xa nổi trên mặt nước - Telerobot-N3

cho việc kiểm tra đánh giá tình trạng mạng lưới đường ống cấp nước có áp lực và đường ống cấp khí đốt có áp lực.

Ngày nay, Mỹ và Anh sử dụng loại thiết bị kiểm tra đánh giá tình trạng rò rỉ đường ống dẫn nước, có khả năng chỉ với một lần di chuyển có thể tiến hành ghi hình và ghi âm kể cả xác định vị trí hư hỏng của đường ống trên cơ sở sử dụng bộ dò. Năng suất của loại thiết bị này đạt 1.000 - 2.000 mét/ngày đêm tùy thuộc vào đường kính ống và hình học của ống kể cả sự tồn tại của các phụ kiện ống và các yếu tố khác. Vị trí đặt thiết bị kiểm tra đường ống kể trên đòi hỏi trên bề mặt đường ống được khảo sát phải có một lỗ đường kính 50 mm.

Đối với việc kiểm tra tình trạng đường ống có đường kính nhỏ, chiều dài khu vực đường ống được kiểm tra có thể đạt đến 100 mét và về cả hai phía tính từ vị trí đặt thiết bị kiểm tra trên đường ống; trong trường hợp này người ta thường sử dụng ngay vị trí lắp các van điều tiết của đường ống.

Chất lượng ghi hình và ghi âm của các thiết bị được lắp đặt trên đường ống có đường kính nhỏ không bị phụ thuộc và lưu lượng dòng chảy

của nước cũng như vật liệu chế tạo ống. Tuy nhiên, khi xuất hiện một số lượng lớn các va đập có thể cản trở thiết bị ghi hình - ghi âm từ vị trí đặt van điều tiết di chuyển sâu vào phía bên trong của đường ống.

Trong một nghiên cứu thực hiện tại Toronto (Canada), thiết bị kiểm tra tổng hợp đã được sử dụng trong việc xác định chỗ rò rỉ và các hư hỏng khác thường khác trong đường ống dẫn nước đường kính nhỏ chế tạo từ nhựa PVC. Phương pháp kiểm tra đã trở thành phương pháp thử nghiệm thủy lực được lựa chọn đã kết thúc mà không cho kết quả mong muốn. Nhà thầu cũng đã thử phát hiện các chỗ hư hỏng của đường ống thông qua phương pháp tương quan và thiết bị Geofon nhưng đã không thành công trong việc phát hiện tất cả các loại hư hỏng. Với sự hỗ trợ của công nghệ ghi hình - ghi âm kiểm tra đối với đường ống có đường kính nhỏ đã tiến hành 31 cuộc thăm dò tại vị trí lắp đặt van và đã tìm được 11 chỗ rò rỉ mà việc sử dụng các phương pháp kiểm tra khác đã không phát hiện được. Ngoài ra, đã phát hiện được 4 khu vực có tiềm năng xảy ra sự cố.

11 vị trí rò rỉ đã được phát hiện và ghi dấu trên khu vực vỉa hè. Kết quả đào kiểm tra đã

khẳng định độ chính xác cao của các chỉ dẫn theo đó sai số không vượt quá 30 cm cách vị trí rò rỉ do thiết bị chỉ ra.

Kết luận

1. Các công nghệ mới kiểm tra hệ thống đường ống dựa trên việc sử dụng thiết bị tổng hợp ghi hình - ghi âm cho phép thu được những hiểu biết đầy đủ hơn về hiện trạng của việc vận chuyển bằng đường ống nhằm đưa ra các giải pháp tương thích có cơ sở đối với việc sửa chữa hoặc thay thế đường ống;

2. Đối với hệ thống cấp nước, việc sử dụng các công cụ có khả năng đảm bảo việc quan sát thông qua ghi hình và ghi âm nhằm phát hiện những trục trặc có thể xảy ra mà không phải ngừng hoạt động khai thác, tự nó đã là một thành tựu lớn bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và giảm chi phí xã hội nảy sinh từ việc phải tạm thời ngừng cấp nước trong một thời gian nhất định.

B. A. Orlov

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Nga số 1/2014

ND: Huỳnh Phước

Triển vọng phát triển của bê tông tự lèn tại Nga

Bê tông tự lèn là bê tông có khả năng tự chảy nhờ tác động của trọng lượng bản thân và tự điền đầy những chỗ trống trong ván khuôn, thậm chí cả ở những vị trí có bố trí dày đặc cốt thép, mà không cần tới bất kỳ tác động cơ học nào, đồng thời đảm bảo tính đồng nhất. Lịch sử của loại bê tông này khởi nguồn tại Nhật Bản vào cuối thập niên 80 thế kỷ XX. GS. Okamura của Đại học Tokyo đã nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế một thể hệ chất phụ gia mới cho bê tông - phụ gia hóa dẻo hiệu quả cao (phụ gia siêu dẻo cuốn khí gọi chung là nhóm polycacboxylat). Việc ứng dụng các phụ gia này kết hợp với việc cải thiện chất lượng của cốt liệu

nhỏ (bụi silic, tro xỉ thải khác nhau, đá nghiền...) so với bê tông xi măng truyền thống đã cho ra đời loại bê tông tự lèn. Tại Nhật Bản, bê tông tự lèn đã được ứng dụng để xây dựng những công trình lớn, trong đó có cầu treo Akaghi Kaikyo dài nhất thế giới (với nhịp giữa 1.991 m và hai nhịp biên mỗi nhịp dài 960 m). Hai mố neo của cầu có chiều cao 298 m được ứng dụng hoàn toàn bê tông tự lèn.

Nhờ các tính chất ưu việt, bê tông tự lèn đã được phát triển rộng rãi tại Tây Âu, trong đó quốc gia tiên phong trong nghiên cứu ứng dụng rộng rãi loại bê tông này là CHLB Đức. Sau khi nghiên cứu kỹ các tính chất của bê tông tự lèn

tại Viện Khoa học Xây dựng CHLB Đức, trong các năm 2000 - 2001, những tiền đề cho việc chính thức sản xuất và triển khai loại vật liệu này trên toàn châu Âu đã được các nhà khoa học Đức thiết lập.

Các nghiên cứu của Viện KHXD CHLB Đức đã cho thấy, cường độ chịu nén của bê tông tự lèn cao hơn bê tông “được đầm rung” thông thường (với cùng lượng xi măng tiêu hao như nhau); cường độ đập vụn, độ co ngót và từ biến cũng vậy. Module đàn hồi của bê tông tự lèn thấp hơn từ 10 - 15% do sự gia tăng cốt liệu nhỏ trong thành phần. Một minh chứng mới nhất cho sự phát triển rộng rãi của thị trường bê tông tự lèn tại Tây Âu là việc Ủy ban về bê tông cốt thép của Đức tháng 11/2003 đã xây dựng một văn bản tiêu chuẩn, trong đó các thuật ngữ cũng như các mối liên quan tới các văn bản tiêu chuẩn châu Âu khác về phương pháp xây dựng, phương pháp thử bê tông tự lèn đã được đưa vào và chú giải cặn kẽ. Năm 2004, Ủy ban kỹ thuật 205-DSC “Tuổi thọ của bê tông tự lèn” cũng đã được thành lập tại Đức do GS.Viện sĩ Shutter đứng đầu.

Cấp phối của bê tông tự lèn có sự khác biệt so với các bê tông thường. Trước hết, đó là tỷ lệ và kích cỡ hạt của cốt liệu, thành phần cốt liệu nhỏ bắt buộc trong hỗn hợp bê tông. Để tăng tính dẻo của hỗn hợp, các nhà xây dựng có thể sử dụng phụ gia siêu dẻo, tạo nhót và một lượng bột khoáng với tỷ lệ nước/ xi măng (N/X) hợp lý.

Sự khác nhau cơ bản trong công nghệ thi công bê tông tự lèn là không có công đoạn rung để đầm chặt bê tông. Để điền đầy ván khuôn bằng trọng lượng bản thân, bê tông tự lèn cần có độ chảy cao, đồng thời không bị phân tầng. Vì vậy, đặc trưng cơ bản của bê tông tự lèn chính là sự cân bằng giữa độ chảy và sự không phân tầng của hỗn hợp.

Bê tông tự lèn cho phép nâng cao năng suất công tác bê tông, đẩy nhanh việc xây xếp bê tông (giảm nhân công) và bảo đảm hỗn hợp bê

tông chảy dễ dàng.

Độ lưu động, khả năng chống phân tầng của các hỗn hợp đảm bảo tính đồng nhất và chất lượng mịn nhẵn của bề mặt cấu kiện.

Tại LB Nga, công nghệ thi công bê tông tự lèn được triển khai cách đây không lâu. Gần 20 nghìn m³ bê tông tự lèn đã được sử dụng để xây dựng trụ neo cáp của cầu treo trên đảo Russki (Saint Peterburg). Các ứng dụng bê tông tự lèn trong xây dựng ở LB Nga nhìn chung chưa phổ biến như tại nhiều quốc gia khác. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, những trở ngại cơ bản cho sự phát triển của bê tông tự lèn ở LB Nga bao gồm:

- Việc giảm giá thành thi công bê tông tự lèn bằng cách loại bỏ các công nghệ đầm rung hiện nay đang là một vấn đề gây nhiều tranh cãi. Việc sản xuất bê tông tự lèn, vận chuyển và nghiệm thu tại nơi thi công là một quy trình nghiêm ngặt đồng thời đòi hỏi sự tham gia của nhiều cá nhân và tổ chức hữu quan;

- Để sản xuất bê tông tự lèn cần các cốt liệu nghiền mịn (tro bay, xỉ, bột đá...), cũng như các thiết bị chuyên dụng, ví dụ: phêu tiếp liệu đối với đá dăm hạt nhỏ và cát;

- Bê tông tự lèn khác bê tông thường bởi tỷ lệ N/X thấp hơn, bởi vậy độ ẩm của cốt liệu rất có ý nghĩa;

- Chất lượng ván khuôn đóng vai trò quan trọng.

- Chất lượng các nguyên liệu được sử dụng (xi măng, phụ gia khoáng, đá dăm, cát, phụ gia hóa học) trong bê tông rất quan trọng. Bê tông tự lèn nhạy cảm hơn so với các thành phần, do đó đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ về chất lượng, quá trình sản xuất và thi công.

Để chứng minh cho các tính năng của bê tông tự lèn, các chuyên gia trường Đại học Công nghệ hóa Mendeleev (Nga) đã nghiên cứu một số thành phần và tính chất kỹ thuật cơ bản của hỗn hợp bê tông tự lèn. Hỗn hợp được chuẩn bị trong điều kiện phòng thí nghiệm, với các cốt liệu có sẵn, trong đó có sử dụng:

- xi măng pooc lăng 500 của nhà máy Malsev, đạt tiêu chuẩn GOST 10178. Cường độ 47,3 MPa.

- cát thạch anh cỡ hạt = 2,3 micron - GOST 8736

- đá nghiền cỡ hạt 5 ... 20 mm (cỡ hạt tối đa 25 mm), hàm lượng hạt thoi dẹt là 21% - GOST 8267

- cốt liệu nhỏ (bột đá vôi dolomit - GOST 14050). Tỷ diện riêng của bột ở tình trạng ban đầu là 245 m²/kg; khối lượng riêng 2.500 kg/m³. Sau nghiền tỷ diện riêng tăng lên 295 m²/kg.

- phụ gia siêu dẻo (Sika Viscocrete).

Từ các vật liệu nêu trên, trong thiết bị trộn bê tông của phòng thí nghiệm, hỗn hợp bê tông được chuẩn bị.

Sau khi trộn, hỗn hợp bê tông được đổ vào khuôn tạo hình có kích thước 10 x 10 x 10 cm. Quá trình đóng rắn của các mẫu diễn ra trong điều kiện tiêu chuẩn (nhiệt độ 17 ... 23°C, và độ ẩm không khí là 94 ... 100%). Thành phần hỗn hợp bê tông và các tính chất bền vững của bê tông thu nhận được có thể tham khảo qua bảng sau:

Thành phần hỗn hợp bê tông kg/m ³					Phụ gia l/m ³	Khối lượng riêng của hỗn hợp (kg/m ³)	Ngưỡng cường độ nén của bê tông, độ đông cứng tiêu chuẩn, ngày tuổi			
xi măng	cốt liệu nhỏ	cát	đá dăm	N/X			2	7	28	180
402	182	752	908	177/0,44	5,0	2427	40,7	62,4	70,2	79,5
297	277	800	807	196/0,66	4,0	2381	16,2	33,6	44,2	46,4
349	150	962	763	176/0,50	4,7	2405	30,8	54,8	66,4	68,3
348	148	959	761	179/0,51	4,7	2400	27,9	53,0	60,6	64,5

Qua bảng trên, có thể thấy:

- Tiêu hao bột đá vôi dolomit trong hỗn hợp bê tông không được vượt quá 200 kg/m³ (tránh gia tăng nhu cầu nước).

- Trường hợp có phụ gia siêu dẻo, sẽ thu nhận được một cấu trúc khác của đá xi măng ít có khả năng bị phá vỡ. Các kết quả này nói lên sự gia tăng đáng kể cường độ bê tông khi bị nén, so với cường độ phù hợp với công thức nổi tiếng của Bolomei - Skramtaev.

- Dù còn một số tính chất không phù hợp của cốt liệu lớn sử dụng trong thí nghiệm nêu trên với các yêu cầu thường đặt ra đối với đá dăm cho bê tông tự lèn, và trong thí nghiệm này

còn sử dụng bột đá dolomit không hoạt tính, song các nhà nghiên cứu đã thành công trong việc tạo ra bê tông tự lèn chất lượng tốt. Hỗn hợp bê tông từ tất cả thành phần trên không có sự tách nước. Thí nghiệm được tiến hành theo phương pháp quy định trong tiêu chuẩn GOST 10060. Các thí nghiệm trên đều đưa tới những kết quả như nhau. Các số liệu cuối cùng đều cho thấy: Bê tông tự lèn không chỉ có triển vọng ứng dụng trong các công trình xây dựng bê tông nói chung mà còn có thể sử dụng cho công trình giao thông, với điều kiện phải cải thiện một số thành phần trong bê tông.

Tuy nhiên, để công nghệ thi công bê tông tự

lên phù hợp với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt của Nga, công tác nghiên cứu cần được tiến hành một cách nghiêm túc và toàn diện đối với các loại cốt liệu khoáng khác nhau (tro xỉ thải, và đá vôi nghiền, bụi silic...) làm cốt liệu nhỏ trong bê tông tự lên, kết hợp với nghiên cứu tổ hợp các đặc tính kỹ thuật - xây dựng cơ bản của bê tông cường độ cao đối với các tải trọng khác nhau, các biến dạng co ngót hoặc rão, module đàn hồi, độ bền băng giá, độ bền mỏi, (đối với các công trình giao thông). Đồng thời, cần nghiên cứu (hoặc tìm kiếm nhà cung cấp) các hệ ván khuôn thích hợp để thi công bê tông tự lên.

Hiện nay tại Nga, đại đa số các doanh nghiệp thi công bê tông tự lên đều theo một xu hướng chung - bảo mật tất cả những vấn đề liên quan tới việc thi công.

Để nghiên cứu một cách toàn diện cũng như ứng dụng rộng rãi bê tông tự lên trong thi công xây dựng, Nga còn phải phấn đấu một chặng đường dài trước mắt, với ưu tiên hàng đầu là thiết lập được một cơ chế tài chính phù hợp.

A.I. Ignachenko

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga
tháng 12/2013*

ND: Lê Minh

Bê tông cốt sợi các-bon và xu hướng cạnh tranh với bê tông cốt thép

Vật liệu composit cốt sợi các-bon đã được biết tới từ khá lâu và đang được sử dụng khá phổ biến trong các lĩnh vực hàng không, công nghiệp ô tô - tàu thủy, dụng cụ thể thao cũng như một số ứng dụng khác trong cuộc sống. Gần đây, ở CHLB Đức, các nhà khoa học đã triển khai nghiên cứu về ứng dụng cốt sợi các-bon cho bê tông.

Theo đó, các chuyên gia của Viện Xây dựng thuộc trường Đại học Kỹ thuật Dresden (Đức) đã bắt tay vào nghiên cứu bê tông cốt sợi các-bon - một loại vật liệu tương tự như bê tông cốt thép, song nhẹ và bền hơn, nhờ ứng dụng sợi các-bon thay cho cốt thép.

Sợi các-bon có cơ tính cao, có loại gần tương đương với sợi thủy tinh, và có khả năng chịu nhiệt cực tốt. Sợi các-bon có cường độ cao, khối lượng nhẹ, tính chống ăn mòn rất cao, vì thế, đây là loại vật liệu lý tưởng khi dùng làm vật liệu gia cường. Sử dụng vải sợi các-bon làm vật liệu gia cường trong các cấu kiện bê tông đúc sẵn mang lại nhiều lợi ích khác nhau phụ thuộc vào mục đích ứng dụng.

- Sợi các-bon không bị ôxy hóa, không bị ăn mòn, phai màu hoặc co ngót do nhiệt (điều này

có thể xảy ra khi gia cường bằng thép). Từ đó, các nhà sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn có thể giảm diện tích bề mặt bê tông cần trát phủ nhiều lần, nếu tấm panel tường cần phải trát phủ bề mặt.

- Việc giảm diện tích bề mặt bê tông cần trát phủ sẽ dẫn đến việc giảm đáng kể khối lượng bê tông - tới 50% trong tấm panel tường, và 8% mỗi nối kếp. Trong kiến trúc và kỹ thuật, giảm khối lượng đồng nghĩa với tiết kiệm chi phí xây móng và kết cấu xây dựng bên trên, đồng thời giảm chi phí vận chuyển, bốc xếp.

- Việc sử dụng vải sợi các-bon trong bê tông giúp cải thiện tính năng nhiệt rõ rệt, bởi vì sợi các-bon có độ dẫn nhiệt thấp, nó làm giảm sự truyền nhiệt hoặc truyền lạnh từ ngoài vào trong. Vật liệu cách nhiệt khi đưa vào trong các tấm tường có thể tạo ra tính truyền dẫn hoàn toàn và không tồn tại các điểm nóng hoặc lạnh cục bộ. Theo kết quả nghiên cứu, các tính chất của vật liệu xây dựng có thể đạt được sự tối ưu hóa từ việc duy trì năng lượng trong thời gian dài và giảm chi phí đầu tư hệ thống thiết bị nhiệt, thoát khí và điều hòa không khí.

- Sản phẩm rất thân thiện môi trường so với

các sản phẩm thay thế khác, do lưới không đòi hỏi dùng sơn hoặc màng phủ hữu cơ có hàm lượng chất hữu cơ bay hơi, đặc biệt lưới có độ bền lâu và có thể tái sử dụng. Thực tế, vải sợi các-bon đắt gấp hai lần so với thép truyền thống, nhưng bù lại nó mang đến khả năng giảm khối lượng bê tông và xử lý hóa học bảo vệ cốt thép, cũng như yêu cầu thấp hơn về hệ thống thiết bị nhiệt, thoát khí và điều hòa không khí và khả năng giảm chi phí nền móng xây dựng và kết cấu phần trên.

Theo Viện sĩ Frank Shladish, sợi các-bon ở đây là một sợi mảnh hơn cả sợi tóc. Năm mươi ngàn sợi như vậy cấu tạo thành một sợi tổng hợp, và chính từ sợi tổng hợp đó các chuyên gia đã chế tạo nên vải sợi các-bon để gia cường cho bê tông. Đây không phải là một công việc đơn giản, đòi hỏi các chuyên gia của Viện dày công nghiên cứu suốt hơn 10 năm. Bởi vải sợi các-bon giống như một tấm vải thô nên sẽ rất khó đưa vào trong bê tông. Để các sợi có thể liên kết với vữa bê tông và với nhau, trên các sợi có một lớp phủ đặc biệt. Công thức cho lớp phủ này cũng như phương pháp phủ được các chuyên gia giữ bí mật tuyệt đối. Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng đã tích cực thử nghiệm với các chế phẩm bê tông cốt sợi các-bon có các cấu hình khác nhau - từ các tấm, các ống bê tông đúc sẵn đúng quy cách tới các hình dạng chi tiết khác biệt. Các thí nghiệm được tiến hành trong các khoang có nhiệt độ 20oC và độ ẩm không khí 60%. Để thu nhận được mẫu sản phẩm bê tông cốt sợi các-bon có thể áp dụng 02 phương pháp - Viện sĩ Frank S. cho biết - Một trong hai phương pháp đó là tập hợp các lớp, trên một lớp đặt tấm dệt sợi các-bon, bên trên đó là một lớp vữa, trên nữa lại tiếp một tấm dệt, cứ như vậy cho tới khi đạt được độ dày cần thiết. Phương pháp thứ hai là phân bố cốt sợi các-bon bên trong cốt pha ở lần đổ vữa bê tông sau cùng.

Ngoài nhẹ và bền, bê tông cốt sợi các-bon có tuổi thọ khá cao, vượt trội so với bê tông cốt

thép truyền thống. Ưu điểm lớn của cốt sợi các-bon là không bị gỉ sét, do vậy nhà sản xuất có thể tiết kiệm một lượng vữa bê tông đáng kể. Cốt thép đòi hỏi lớp bảo vệ bên ngoài của bê tông phải có độ dày tối thiểu 02 cm, trong khi đó, cốt sợi các-bon cho phép lớp bảo vệ này mỏng hơn rất nhiều.

Giá thành cao là trở ngại duy nhất đối với việc thay thế bê tông cốt thép bằng bê tông cốt sợi các-bon. Tuy nhiên, Giám đốc Viện Xây dựng Dresden, ông Manfred Kurbakh, tin tưởng rằng, bê tông cốt sợi các-bon hoàn toàn có khả năng cạnh tranh trên thị trường vật liệu xây dựng, nếu vấn đề giá thành được bù đắp lại bằng những ưu thế nổi trội của chính loại bê tông này.

Bê tông cốt sợi các-bon bắt đầu được ứng dụng tại Đức. Theo ông Manfred K., có hai lĩnh vực tại đó Viện đã đạt được những thành công lớn. Trước hết, đó là gia cố các công trình xây dựng cũ (trước đây chỉ có cách phá dỡ). Trọng tâm của lĩnh vực này là việc gia cường kết cấu bê tông cốt thép sau khi đã khai thác để đáp ứng điều kiện cũng như yêu cầu khai thác mới. Các chuyên gia của Viện đã nghiên cứu thành công phương pháp gia cố, qua đó “cứu” nhiều công trình có giá trị tại thành phố Frankfurt và Hameln. Vật liệu cốt sợi tổng hợp composite gia cường cho kết cấu bê tông có thể đảm nhiệm được cả hai việc: sửa chữa gia cường và làm tăng sức chịu tải của kết cấu. Với ưu điểm nhẹ, cường độ cao, mô đun đàn hồi lớn và khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu composite cốt sợi các-bon và thủy tinh rất thích hợp cho việc gia cường kết cấu bê tông cốt thép. Hơn thế nữa, việc sử dụng các tấm composite bọc lên bề mặt cấu kiện còn có thể bảo vệ và hạn chế sự gỉ cũng như ăn mòn của các phần cốt thép bên trong lòng bê tông.

Lĩnh vực thứ hai là xây dựng các công trình mới. Viện đã xây thử nghiệm một gian triển lãm cao hơn 4m với các kết cấu bằng bê tông cốt sợi các-bon bề dày chỉ 4 cm. Gian triển lãm có

kết cấu cực nhẹ. Tuy nhiên, xây một ngôi nhà tương tự bằng bê tông cốt thép sẽ phức tạp và đắt hơn nhiều.

Cho tới nay, Viện đã nhận được rất nhiều đơn đặt hàng loại vật liệu mới này, trong đó có cả các đơn đặt hàng từ Mỹ, Israel - những nơi có nhiều công trình bê tông cốt thép đang trong tình trạng xuống cấp cần tu bổ lại. Ông Manfred K cho rằng, sau 10 năm nữa, 20% lượng bê tông cốt thép của Đức có thể được thay thế

bằng bê tông cốt sợi cac-bon, trước hết là các tấm và panel mặt dựng. Và tới khi toàn bộ các ưu điểm của bê tông cốt sợi cac-bon được khai thác, việc ứng dụng loại vật liệu này trong xây dựng sẽ thường xuyên và rộng rãi hơn.

A.Ananhev

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 14

(ngày 4/4/2014)

ND: Lê Minh

Trao tặng Kỷ niệm chương cho chuyên gia Đức Johannes Bernd Kuchta

Ngày 29/5/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Hội cấp thoát nước Việt Nam đã phối hợp tổ chức Lễ trao tặng Kỷ niệm chương Vì Sự nghiệp Xây dựng, Kỷ niệm chương Vì Sự nghiệp Cấp thoát nước Việt Nam cho ông Johannes Bernd Kuchta - chuyên gia của Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) nhân dịp ông kết thúc nhiệm kỳ 4 năm công tác biệt phái tại Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đến dự, trao Kỷ niệm chương và phát biểu tại buổi Lễ.

Báo cáo về các thành tích công tác trong 4 năm của ông Kuchta tại Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, là chuyên gia Đức được GIZ cử sang Việt Nam để quản lý Chương trình hợp tác giữa Chính phủ CHLB Đức và Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực thoát nước, quản lý nước thải, chống ngập úng ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2010 đến năm 2014, trong nhiệm kỳ 4 năm làm Giám đốc Chương trình, ông Kuchta đã nỗ lực hết mình và có nhiều đóng góp quan trọng, hỗ trợ đối tác phía Việt Nam trong nhiều hoạt động sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các thể chế, chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải. Thông qua việc thực hiện các hoạt động của Chương trình, ông Kuchta đã góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ các tỉnh thực hiện các quy định quản lý nhà nước về thoát nước, đồng thời tăng cường năng lực cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải hướng đến phát triển bền vững. Ông Kuchta cũng đã phối hợp chặt chẽ với Cục Hạ tầng kỹ thuật đề xuất xây dựng Dự án hỗ trợ kỹ thuật thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Dự án này sau đó đã được Chính phủ Đức tài trợ và đang triển khai có hiệu quả và tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng đề xuất tiếp tục giai đoạn 4 của Chương



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao Kỷ niệm chương cho ông Johannes Bernd Kuchta

trình quản lý nước thải - nay đã được phía Đức cam kết tài trợ từ năm 2015- 2017.

Phát biểu tại buổi Lễ, bà Nerirai Sabrije - Phó trưởng đại diện GIZ Việt Nam bày tỏ vui mừng được tham dự Lễ trao tặng Kỷ niệm chương của Bộ Xây dựng và Hội Cấp thoát nước Việt Nam cho ông Johannes Bernd Kuchta. Theo bà Sabrije, việc các phần thưởng được trao tặng ngày hôm nay không chỉ là niềm vinh dự, niềm vui của cá nhân ông Kuchta, mà còn là sự ghi nhận những kết quả hợp tác giữa GIZ và Bộ Xây dựng Việt Nam trong gần 10 năm qua, kể từ năm 2005.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng đến dự buổi Lễ, Thứ trưởng Cao Lại Quang đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của ông Kuchta trong nhiệm kỳ 4 năm công tác tại Việt Nam và chúc mừng ông Kuchta được nhận Kỷ niệm chương của Bộ Xây dựng và Hội cấp thoát nước Việt Nam - là sự ghi nhận những công lao rất lớn của ông Kuchta đối với ngành Xây dựng và lĩnh vực cấp thoát nước, vệ sinh môi trường của Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện quan hệ hợp tác chặt chẽ của Bộ Xây dựng và GIZ.

Phát biểu về những cảm nghĩ của mình, ông Kuchta bày tỏ sự cảm ơn chân thành đối với lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục Hạ tầng kỹ thuật,



Ông Kuchta chụp ảnh lưu niệm với Thứ trưởng Cao Lại Quang và các cộng sự của GIZ và Bộ Xây dựng

Hội Cấp thoát nước Việt Nam và các đối tác, cộng sự Việt Nam đã tạo điều kiện, ủng hộ và

phối hợp để giúp ông hoàn thành các nhiệm vụ công tác của mình. Theo ông Kuchta, 4 năm ở Việt Nam là những năm tháng hạnh phúc, được sống, làm việc trong một môi trường thân thiện, hợp tác và có nhiều kỷ niệm đẹp. Trước khi chuyển sang nhiệm vụ mới, ông Kuchta cũng bày tỏ mong muốn người kế nhiệm của mình sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của Bộ Xây dựng và các cộng sự Việt Nam, và chúc cho quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng và GIZ ngày càng bền chặt và hiệu quả.

Minh Tuấn

Hội thảo Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong ngành Xây dựng”

Ngày 06/6/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ (USAID) và đã phối hợp tổ chức Hội thảo Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong ngành Xây dựng” thuộc Chương trình năng lượng sạch do USAID tài trợ.

Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng) - Giám đốc Dự án; bà Rosario Chato Calderon - Đại diện USAID; ông Joseph Deringer - Trưởng đoàn tư vấn Dự án (Công ty Windrock International - Mỹ); các thành viên Ban Quản lý dự án của Bộ Xây dựng; đại diện Văn phòng Tiết kiệm năng lượng Bộ Công Thương; đại diện các Sở Xây dựng các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hồ Chí Minh; đại diện các trung tâm tư vấn tiết kiệm năng lượng, các hội nghề nghiệp liên quan và các nhà tài trợ trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng: IFC, UNDP, Koica, Đan Mạch; các chuyên gia trong nước và nước ngoài.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, TS. Nguyễn Trung Hòa - Giám đốc dự án cho biết, Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy hiệu quả năng lượng



TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu khai mạc Hội thảo trong ngành Xây dựng” được thực hiện trong 4 năm từ 2014 đến 2018 do USAID tài trợ, Bộ Xây dựng làm chủ dự án, đối tác thực hiện dự án là Công ty Windrock International đã được khởi động từ tháng 5/2014. Tại Hội thảo, Ban Quản lý dự án, đơn vị tư vấn và các đối tác có liên quan sẽ thảo luận về kế hoạch thực hiện Dự án, cơ chế, hình thức phối hợp, tham gia các hoạt động của dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, đồng thời đóng góp ý kiến về việc thực hiện 02 hợp phần chính của dự án là Hợp phần cơ sở dữ liệu và Hợp phần đào tạo.



Bà Rosario Chato Calderon - Đại diện USAID phát biểu tại Hội thảo

Tại Hội thảo, bà Rosario Chato Calderon cho rằng, việc xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng trong các công trình xây dựng có ý nghĩa hết sức quan trọng, là nền tảng để đưa ra các chính sách về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng và khuyến khích phát triển xây dựng xanh.

Trình bày về kế hoạch triển khai Dự án, ông Joseph Deringer - Trưởng đoàn tư vấn Dự án cho biết, theo văn kiện Dự án đã được Bộ Xây dựng phê duyệt, các mục tiêu cụ thể của Dự án bao gồm: Tăng cường năng lực thu thập, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu năng lượng; xúc tiến thực hiện Quy chuẩn Việt Nam QCVN 09:2013/BXD và quảng bá các công nghệ xây dựng xanh thông qua các biện pháp khuyến khích thị trường và thông lệ thực hành quản lý nhu cầu năng lượng; tăng cường năng lực thực thi QCVN 09:2013/BXD và năng lực soạn thảo Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho ngành Xây dựng. Trên cơ sở các mục tiêu tổng quát và cụ thể, đơn vị tư vấn đã dự kiến 03 nhiệm vụ chính gồm: Tăng cường năng lực thu thập, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu năng lượng trong ngành Xây dựng cho quá trình ra quyết định, với khoảng 100 đơn vị tham gia dự án; Cải thiện tiết kiệm năng lượng trong các lĩnh vực xây dựng tiêu thụ nhiều năng lượng - mục tiêu tiết kiệm 40.000.000 kWh nhờ giảm nhu cầu điện năng và tăng cường tiết kiệm năng lượng; Tăng cường đầu tư công và đầu tư tư



Toàn cảnh Hội thảo

nhân vào các công nghệ năng lượng tái tạo và thí điểm ứng dụng các công nghệ này trong lĩnh vực xây dựng - khoảng 20.000.000 kWh được tiết kiệm nhờ giảm công suất phát điện khi ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo/ năng lượng mới trong các công trình xây dựng.

Tại Hội thảo này, các đại biểu tham dự đã nghe các tư vấn báo cáo các nội dung dự kiến thực hiện Hợp phần xây dựng cơ sở dữ liệu, Hợp phần đào tạo và tham luận của một số địa phương về việc triển khai QCVN 09:2013, đồng thời đóng góp nhiều ý kiến cho thiết kế phiếu điều tra về tình hình sử dụng năng lượng của các công trình xây dựng để đảm bảo tính khả thi của việc thu thập dữ liệu cũng như ý nghĩa về mặt thống kê của các dữ liệu.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Trung Hòa đã cảm ơn những ý kiến đóng góp xác đáng của các đại biểu dự Hội thảo, giải trình, làm rõ thêm một số vấn đề có liên quan đến Dự án mà các đại biểu quan tâm, đồng thời đề nghị đơn vị tư vấn tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các bộ phiếu điều tra lấy ý kiến các tổ chức, các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo tính khả thi của việc thu thập dữ liệu, nâng cao chất lượng của cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng trong công trình xây dựng. TS. Nguyễn Trung Hòa cũng đề nghị đơn vị tư vấn xây dựng các nội dung của chương trình đào tạo đối với từng đối tượng, phù hợp với mục tiêu của Dự án.

Minh Tuấn

Hiện trạng phát triển và xu hướng tiết kiệm năng lượng trong xây dựng ở Trung Quốc

Trung Quốc là một quốc gia tương đối nghèo về tài nguyên nếu tính theo mức sở hữu bình quân đầu người. Do vậy, để phát triển hài hòa kinh tế - xã hội, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái là một xu hướng đang được quan tâm ở Trung Quốc.

I. Thực trạng tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

Để thực hiện có hiệu quả công tác thiết kế tiết kiệm năng lượng trong xây dựng cần phải kết hợp cả 2 yếu tố là công nghệ tiết kiệm năng lượng và điều kiện khí hậu của khu vực đó. Trong điều kiện khí hậu khác nhau, việc lựa chọn công nghệ tiết kiệm năng lượng cũng khác nhau. Do đó, công tác thiết kế tiết kiệm năng lượng trong xây dựng gồm có 2 dạng sau:

- Coi công trình xây dựng như là một hệ thống khép kín, giảm thiểu hoạt động trao đổi năng lượng giữa trong nhà - ngoài trời và trong đó các vật dụng như tấm che, vỏ bọc, vật liệu cách nhiệt, trồng cây xanh là những thứ có thể đạt hiệu quả tiết kiệm năng lượng đáng kể cho tòa nhà, thường những thứ này được dùng tại những khu vực có điều kiện thời tiết hàn đới, nhiệt đới và khắc nghiệt.

- Coi công trình xây dựng như là một hệ thống mở, điểm đặc trưng của nó là để môi trường năng lượng trong và ngoài trao đổi với nhau. Năng lượng mặt trời, năng lượng gió thường được sử dụng trong hệ thống này, và được ứng dụng trong những khu vực có điều kiện khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới.

Do thời tiết 4 mùa tại các khu vực có sự khác biệt lớn hoặc do các yếu tố tạo nên điều kiện khí hậu khác nhau, các nhà thiết kế cần căn cứ vào những đặc điểm khí hậu trong khu vực để lựa chọn các công nghệ phù hợp, làm sao có thể cân bằng giữa nhu cầu của người sử dụng

và đảm bảo tiết kiệm năng lượng.

Trong vài năm trở lại đây, ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của Trung Quốc luôn chú trọng tới việc tạo ra những sản phẩm tiết kiệm năng lượng dùng cho các tòa nhà, thực hiện một loạt các công việc lớn như: phát triển và mở rộng công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật có liên quan. Hiện nay ở Trung Quốc, vật liệu cách nhiệt gồm có những loại sau: Tấm xốp XPS và EPS, bọt thủy tinh cách nhiệt, đá trân châu cách nhiệt, xốp bọt biển cách nhiệt... những loại vật liệu này đều có chung tính chất xốp, rỗng - đây là điểm rất cần thiết đối với các vật liệu cách nhiệt.

II. Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

Nhìn chung hiện nay, nhận thức của người dân về vấn đề tiết kiệm năng lượng trong xây dựng còn kém, kể cả kiến thức cơ bản, ý thức chủ động của một số cán bộ phụ trách quản lý và nhân viên trong ngành còn yếu, khiến cho các tòa nhà thường xảy ra hiện tượng trong nhà thì nóng còn bên ngoài thì mát, hạn chế tốc độ phát triển công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

Tổng thể phát triển không đồng đều, trong đó: **(1)** Công tác phát triển tiết kiệm năng lượng xây dựng trong đô thị tương đối chậm, đặc biệt là đối với những đô thị có điều kiện khí hậu hè nóng đông lạnh, ngoài ra, tại một số đô thị, công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng thậm chí chưa được triển khai. **(2)** Giữa kết cấu tiết kiệm năng lượng và hệ thống làm lạnh, sưởi ấm không đồng bộ với nhau. Cụ thể đối với kết cấu tiết kiệm năng lượng luôn được quan tâm và có nhiều biện pháp thực hiện, nhưng ngược lại hệ thống làm lạnh, sưởi ấm lại lạc hậu và chậm chạp trong công tác nâng cấp. **(3)** Giữa

các khâu quản lý còn thiếu đồng bộ, phần lớn trong khâu thiết kế tiết kiệm năng lượng xây dựng diễn ra tương đối tốt, nhưng đến khâu thi công, giám sát, nghiệm thu, chúng nhận tiết kiệm năng lượng và nhiều công tác quản lý khác lại yếu kém.

Trên thị trường, những vật liệu tiết kiệm năng lượng có chất lượng tốt chưa nhiều, đặc biệt là ở những tỉnh xa thì càng ít hơn. Căn cứ vào “Luật tiết kiệm năng lượng” và các văn kiện của Chính phủ về việc yêu cầu thực hiện chúng nhận đối với các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, nhưng công việc này vẫn triển khai chậm, công tác quản lý giám sát chưa thực hiện đầy đủ.

Trước đây, Trung Quốc đã có quy định về việc tiết kiệm năng lượng xây dựng, nhưng còn thiếu các chính sách khuyến khích, do vậy Trung Quốc đã ban hành “Luật tiết kiệm năng lượng”. Tuy nhiên, do thiếu tính hành động nên Luật này chưa được thực hiện tốt trong thực tiễn. Ngoài ra, do thiếu chính sách khuyến khích tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, nên chưa hình thành được cơ chế thị trường thúc đẩy tiết kiệm năng lượng xây dựng, khó huy động sự nhiệt tình của các bên. Mặc dù nhà nước và xã hội ngày càng chú trọng hơn tới vật liệu xây dựng mới tiết kiệm năng lượng, nhưng lại thiếu hệ thống đánh giá thống nhất trên cả nước, nên đã ảnh hưởng tới việc mở rộng vật liệu vật liệu xây dựng mới tiết kiệm năng lượng.

III. Phương hướng phát triển tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

1. Sử dụng các nguồn năng lượng sạch

Sử dụng năng lượng mặt trời vừa là một nguồn năng lượng sạch mà lại có thể tái tạo. Lợi thế của Trung Quốc là đất nước rộng lớn, nên sẽ có nguồn năng lượng mặt trời phong phú để phục vụ cho cả nước. Nguồn năng lượng mặt trời sử dụng trong xây dựng có thể chia ra làm 2 dạng: chủ động và bị động. Tận dụng năng lượng mặt trời theo hình thức chủ động, do có thiết kế phức tạp, chi phí cao, nên

ít được ứng dụng trong thiết kế xây dựng. Tận dụng năng lượng mặt trời theo hình thức bị động, do bản chất của hệ thống bị động là không tiêu thụ năng lượng, nên thiết kế rất đơn giản, đây là phương thức chủ yếu ứng dụng vào trong xây dựng

Sử dụng nguồn năng lượng gió. Đây là một trong những nguồn năng lượng quan trọng nhất trên thế giới. Sử dụng nguồn năng lượng gió có thể phát điện và thúc đẩy hệ thống thông gió trong tòa nhà, giảm nhiệt độ bề mặt, cải thiện môi trường nhiệt, giúp con người có cuộc sống thoải mái hơn, đây cũng là một trong những phương thức chủ yếu sử dụng trong xây dựng hiện nay.

Sử dụng năng lượng địa nhiệt. Đây là nguồn năng lượng có hiệu quả kinh tế và rất thân thiện với môi trường. Khai thác năng lượng địa nhiệt bằng cách khoan các giếng sâu xuống lòng đất ở tầng chứa nước nóng. Nguồn nhiệt lượng này được đưa lên mặt đất dưới dạng hơi nóng hoặc nước nóng và có thể sử dụng trực tiếp để sưởi ấm nhà ở, giảm tác động xấu của môi trường bên ngoài đối với nhiệt độ trong phòng, ngăn chặn sự tản nhiệt từ trong phòng ra bên ngoài...

2. Vai trò của công trình xanh trong việc tiết kiệm năng lượng

Mang màu xanh đến cho cuộc sống người dân luôn là mục tiêu và mơ ước của các kiến trúc sư trong ngành Xây dựng. Với các cửa sổ, ban công... nếu thiết kế cây xanh, vào mùa hạ sẽ chặn được các bức xạ của mặt trời, còn mùa đông, do cây rụng lá, nên dễ dàng đón ánh nắng mặt trời vào trong nhà. Đối với việc thiết kế thảm xanh trên mái sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc cách nhiệt từ mái, ngoài ra cũng có thể sử dụng các biện pháp như mái bùn, trữ nước trên mái, trồng cây xanh... Đối với các bức tường, có thể trồng loại cây dây leo, vừa chặn ánh nắng trời, nhờ lá cây có thể giảm một lượng nhiệt nhất định mà ánh nắng mặt trời chiếu vào, đồng thời, thông qua sự quang hợp có thể chuyển hóa một phần năng lượng.

3. Nền tảng để phát triển các vật liệu tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

Hiện nay, Trung Quốc đang tập trung vào việc phát triển những vật liệu xây dựng có tính năng cách nhiệt và tiết kiệm năng lượng cao, ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tái chế chất thải rắn thành vật liệu xây dựng. Ngoài ra, thông qua sự phát triển của vật liệu tiết kiệm năng lượng, chủ động nâng cao năng lực đổi mới, học hỏi những kinh nghiệm tiên tiến trên thế giới, tăng cường hợp tác quốc tế, giới thiệu các công nghệ tiên tiến, thúc đẩy phát triển các công nghệ vật liệu tiết kiệm năng lượng tân tiến nhất. Phương hướng chủ yếu để phát triển vật liệu xây dựng hiện nay tại Trung Quốc chủ yếu thiên về những vật liệu thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng của vật liệu tiết kiệm năng lượng ở mức cao nhất. Đối với những vật liệu xây dựng có sử dụng hóa chất, hiện Trung Quốc cũng đang ứng dụng sản xuất trên những dây chuyền có thể giảm mức độc hại xuống mức thấp.

IV. Kết luận

Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng quốc gia, đồng thời là một hạng mục khá phức tạp, liên quan tới các khâu từ thiết kế, thi công cho đến vật liệu, thậm chí nó còn phải kéo dài song song với tuổi thọ của toàn bộ công trình. Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng vừa là nhu cầu cần thiết để phát triển nền kinh tế xã hội, vừa là nhu cầu cần thiết trong việc giảm ô nhiễm không khí. Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng còn có thể giúp cải thiện chất lượng môi trường, bởi cùng với sự phát triển hiện đại hóa của ngành Xây dựng và cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, một môi trường sống tốt đối với người dân đã ngày càng trở thành nhu cầu tất yếu và không thể thiếu.

Nguồn: <http://newsccn.com> (9/5/2014)

ND: Bích Ngọc

Đô thị hóa và người nông dân phải cùng phát triển hài hòa với nhau

Kể từ khi cải cách và mở cửa đến nay, tiến trình đô thị hóa ở Trung Quốc vẫn không ngừng phát triển. Đến nay tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc đạt ở mức 53,7%, tỷ lệ nhân khẩu có hộ khẩu thường trú tại đô thị là 36%, nhưng con số này vẫn thấp hơn so với mức trung bình là 80% mà các nước phát triển đã đạt được.

Tháng 3/2014, Trung Quốc đã chính thức ban hành “Quy hoạch đô thị hóa quốc gia giai đoạn 2014 - 2020”. Nội dung của quy hoạch này dựa trên cơ sở tổng kết các kinh nghiệm đô thị hóa từ trước đến nay và đã nêu rõ chủ trương “Đô thị hóa là của người dân”. Ý nghĩa sâu xa của câu “Đô thị hóa là của người dân” chính là sự dịch chuyển dân cư nông thôn vào đô thị. Điều này còn đòi hỏi, trong quá trình thúc

đẩy đô thị hóa phải luôn tuân thủ phương châm lấy con người làm trọng tâm. Việc dịch chuyển dân số từ nông thôn ra đô thị cũng phải theo trình tự, đây là yếu tố cốt lõi và là khâu rất quan trọng. Trên cơ sở sắp xếp hệ thống, định hướng chính sách, đảm bảo tài chính và triển khai công việc, thúc đẩy công tác hội nhập và sản xuất, tăng việc làm cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao mức độ dịch vụ công cộng.

Để đô thị hóa và người dân cùng phát triển hài hòa với nhau, thông qua nhiều cuộc phỏng vấn với các chuyên gia hàng đầu của ngành Xây dựng Trùng Khánh, Trung Quốc, tác giả bài viết đã tổng kết lại một số những kinh nghiệm và những công việc cần thực hiện sau:

Thứ nhất, luôn coi việc hội nhập phát triển

công nghiệp và đô thị làm mấu chốt, bởi nền tảng để phát triển đô thị hóa là các thị trấn huyện lỵ, quan trọng hơn cả là cần phải có công nghiệp phát triển. Kiên quyết loại bỏ xu hướng mua đất xây nhà ở, khiến thành phố trở nên hỗn độn, luôn tuân thủ mục tiêu công nghiệp phát triển phù hợp với định hướng phát triển đô thị, số lượng nhân khẩu cũng phải dựa trên phương hướng phát triển công nghiệp, kết hợp chặt chẽ việc phát triển công nghiệp và xây dựng đô thị, đây là con đường mới để hội nhập phát triển công nghiệp và đô thị.

Ngoài ra, cần tăng cường vai trò của quy hoạch đô thị. Căn cứ vào yêu cầu sử dụng đất, cần tối ưu hóa sự phân bố không gian đất đô thị, tập trung xem xét đến việc quy hoạch đất ở, đất công nghiệp, đất công cộng. Trên cơ sở phối hợp giữa xây dựng đô thị, phát triển công nghiệp và việc làm cho người dân, thực hiện có hiệu quả quy hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò quản lý trong lĩnh vực bất động sản, ngăn chặn tình trạng thị trường bất động sản bong bóng mà đô thị hóa trước đây đã mang lại. Để phục vụ phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ trong đô thị, cần phân bổ đất cho hợp lý, cung cấp nhà ở cho người dân từ nông thôn sáp nhập vào đô thị. Đối với những khu trung tâm đô thị, cần tập trung vào sự phát triển của các ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại, với những khu ngoại ô có thể bố trí ngành sản xuất và du lịch - giải trí nông nghiệp, khuyến khích mô hình phát triển du lịch sinh thái, từ đó thúc đẩy ngành công nghiệp, bất động sản phát triển bền vững.

Thứ hai, xúc tiến việc làm cho người dân là một chính sách quan trọng. Sau khi người dân chuyển hộ khẩu vào đô thị, do thiếu kỹ năng và kiến thức làm việc tại đây, nên họ thường phải đối mặt với những khó khăn về việc làm.

Việc làm là kế sinh nhai của người dân, do đất đai bị trưng thu nên người nông dân đã đưa ra những điều kiện cao hơn và đây một trong những nguyên nhân quan trọng, họ lo lắng sau khi mất đất, cuộc sống sẽ không được đảm bảo

như trước. Do đó, trong quá trình đô thị hóa, việc tạo công ăn việc làm cho người nông dân chuyển vào đô thị đã trở thành chính sách quan trọng để thúc đẩy người nông dân thành thị dân. Vì vậy cần tăng cường công tác đào tạo để giúp họ có việc làm. Cần lập quỹ đào tạo dành cho những người dân bị trưng thu đất, quỹ này sẽ được trích một phần nhất định từ khoản thu nhập có được nhờ vào việc chuyển nhượng đất. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng lao động trên thị trường và thay đổi cơ cấu, triển khai đào tạo kỹ năng nghề cho người nông dân, làm sao giúp họ học được các kỹ năng và có được một công việc ổn định trong cuộc sống.

Sự ra đời của chính sách, một mặt sẽ khuyến khích các doanh nghiệp có thể bố trí công việc cho người dân bị trưng thu đất; mặt khác, kết hợp với nhu cầu quản lý cộng đồng, dịch vụ công cộng... tích cực mở rộng phát triển những công việc liên quan tới dịch vụ công cộng. Thiết lập kiện toàn cơ chế giải thưởng dành cho những người nông dân bị thu đất và chuyển vào đô thị nếu tự chủ động mở công ty hay cơ sở kinh doanh.

Thứ 3, tăng cường đảm bảo an sinh xã hội như là một biện pháp ổn định. Từ trước đến nay, khi người nông dân chuyển hộ khẩu vào đô thị, tuy đã là người đô thị, nhưng lại phải đối mặt với vấn đề cùng là dân đô thị nhưng chế độ dành cho họ lại khác nhau, họ giống như bị gạt ra ngoài rìa của hệ thống. Do đó, chỉ có giải quyết tốt những vấn đề về đảm bảo an sinh, giảm những lo âu của họ thì mới dễ dàng khuyến khích họ dần trở thành người dân đô thị, đồng thời sẽ giúp cho quá trình đô thị hóa thực hiện có hiệu quả cao hơn.

Cần cải cách cơ chế đền bù đối với việc trưng thu đất và phá dỡ. Thiết lập một thị trường sử dụng đất xây dựng thống nhất giữa đô thị và nông thôn, từng bước nâng cao các tiêu chuẩn đền bù trưng thu đất. Cần thiết lập kiện toàn hệ thống đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân nông thôn dịch chuyển vào đô thị, không ngừng

thực hiện tốt công tác đảm bảo công việc, lương hưu, bảo hiểm y tế, có các cơ chế dành riêng cho những người thất nghiệp, bị tai nạn trong lao động, sinh đẻ, nhà ở và giáo dục cho con cái của họ, như vậy sẽ giúp họ cảm nhận được sự bình đẳng và công bằng. Chính phủ cũng cần có cơ chế ưu đãi đối với những người dân chuyển đổi hộ khẩu vào đô thị như: kịp thời giảm phí bảo hiểm xã hội, ủng hộ và khuyến khích họ tích cực tham gia và tiếp tục tham gia bảo hiểm, đảm bảo rằng sau khi họ trở thành người của đô thị sẽ có bảo hiểm, sẽ được giúp đỡ trong những lúc khó khăn.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống dịch vụ công cộng. Trong quá trình đô thị hóa, phần lớn người nông dân dịch chuyển vào đô thị phải tập trung sinh sống tại những khu tái định cư, ở những khu này thường có các dịch vụ công cộng, giáo dục, y tế, hưu trí, giao thông ... kém chất lượng, chính điều này đã khiến họ không thực sự hòa nhập với cuộc sống đô thị. Hiện nay, việc quan trọng cần làm là phải thúc đẩy

các dịch vụ công cộng cơ bản, nỗ lực nâng cao nhận thức của họ đối với đô thị và tư tưởng an cư lập nghiệp tại đô thị.

Cần thực hiện tốt công tác quy hoạch. Khi lập quy hoạch xây dựng tiểu khu, cần xem xét tới bố cục phân bố nhân khẩu và cơ sở hạ tầng, sắp xếp một cách khoa học từ không gian sản xuất, sinh hoạt cho tới sinh thái tại khu vực sinh sống của những người chuyển đổi nhân khẩu vào đô thị, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cuộc sống của họ. Ngoài ra các cấp chính quyền cũng không ngừng hoàn thiện hạ tầng giáo dục, y tế... làm sao khiến người nông dân được hưởng thụ những thành quả mà đô thị hóa mang lại.

Lưu Lợi

*Nguồn: <http://newsccn.com>
(Báo hàng ngày Quang Minh, phần Lý luận
và thực tiễn, kỳ 16, ngày 22/5/2014)*

ND: Bích Ngọc

Trung Quốc thúc đẩy Công nghiệp hóa ngành công nghiệp xây dựng theo hình thức mới

Số liệu do Viện Nghiên cứu Xây dựng Trung Quốc công bố vào đầu tháng 6/2014 cho thấy, các doanh nghiệp thi công xây dựng đang đứng trước nhiều khó khăn khi giá trị sản lượng xây dựng và lợi nhuận trong những năm qua đều giảm, năm 2008 lợi nhuận là 5,5% thì đến năm 2012 chỉ còn là 1,1%. Trong năm 2013, lợi nhuận của ngành Xây dựng có tăng do các chính sách hỗ trợ và kích cầu thị trường mà Chính phủ Trung Quốc áp dụng. Tuy nhiên, so với tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc trong năm 2013 thì ngành Xây dựng vẫn giữ ở vị trí trung bình.

Nhóm chuyên gia nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Xây dựng đã phân tích các con số thống kê để minh chứng cho một thực tế: mặc

dù quy mô của các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc so với các doanh nghiệp nước ngoài là tương đương, thậm chí còn lớn hơn, nhưng nếu chỉ xét về nguồn vốn cũng như lợi nhuận và vị thế trên thị trường thì chỉ bằng một nửa các doanh nghiệp nước ngoài.

Vì sao có sự khác biệt đó? Trung Quốc cần phải học tập kinh nghiệm gì từ các doanh nghiệp nước ngoài? Các chuyên gia phân tích đầu ngành đã đưa ra nhiều kinh nghiệm và bài học phong phú, để thấy rằng sự thành công của các doanh nghiệp xây dựng nước ngoài đều dựa vào nhiều yếu tố, trong đó cách quản lý, tiếp cận thị trường và công nghiệp hóa ngành xây dựng là những bước đi cần thiết để có được sự phát triển bền vững.

Nhanh chóng chuyển đổi ngành theo hướng công nghiệp hóa mới

Sự phát triển nhanh chóng của đô thị hóa, công nghiệp hóa đem lại cơ hội phát triển quý báu cho các ngành, đặc biệt là ngành Xây dựng, khi mà đất nước đang ngày càng phát triển và càng cần nhiều hơn nữa sự đóng góp tích cực từ ngành này. Mấy năm trở lại đây, nhu cầu về xây dựng cơ bản tăng cao, nhiệm vụ của ngành Xây dựng càng trở nên quan trọng hơn.

Khi so sánh hai doanh nghiệp xây dựng lớn ở trong và ngoài Trung Quốc là Công ty Cổ phần đường sắt Trung Quốc và Tập đoàn Vinci của Pháp cho thấy: Năm 2010, vốn đăng ký của Công ty cổ phần đường sắt Trung Quốc là 473,7 tỷ NDT, lớn hơn nhiều so với vốn đăng ký của Vinci (284,2 tỷ NDT), nhưng vốn lưu động thực tế trên thị trường của Vinci cao gần gấp 4 lần so với Công ty cổ phần đường sắt Trung Quốc.

Tại sao lại có sự khác biệt quá lớn này? Các chuyên gia cho rằng, các doanh nghiệp trong nước mất quá nhiều tiền cho việc trả lương nhân công, chi phí vật tư, vật liệu, các khoản chi phí “đen” khác, trong khi các doanh nghiệp nước ngoài thì có cách quản lý nguồn vốn hợp lý, kiểm soát được rủi ro trong đầu tư kinh doanh và tránh thất thoát tối đa. Chính vì thế, các doanh nghiệp Trung Quốc cần phải học hỏi nhiều ở doanh nghiệp nước ngoài, trước hết là phải thay đổi tư duy, cải tiến cách quản lý, không để chiến lược hay sách lược chỉ nằm trên giấy, mà quan trọng là phải hành động. Con đường để thành công, nâng cao tính cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng trong nước chính là con đường tối ưu hóa công nghệ thông tin, nâng cấp quản lý doanh nghiệp.

Con đường Công nghiệp hóa ngành Xây dựng theo hình thức mới

Từ kinh nghiệm của các nước tiên tiến như Anh, Mỹ, Pháp... cho thấy, con đường để giải quyết các mâu thuẫn và thúc đẩy công nghiệp hóa phát triển chính là công nghiệp hóa ngành Xây dựng theo hình thức mới, có nghĩa là lấy

mục đích tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao năng lượng làm gốc rễ, áp dụng tiêu chuẩn hóa cho thiết kế, sản xuất, vận hành, thi công, lắp ráp... quản lý thông tin hóa, nhất thể hóa quy trình sản xuất. Phát huy tối đa năng lực của doanh nghiệp, nhanh chóng chuyển đổi hình thức sản xuất cho phù hợp, đi vào chiều sâu, dùng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý.

Tuy nhiên, khi tiến hành công nghiệp hóa ngành Xây dựng theo hình thức mới cũng cần phải chú ý, không thể tiến hành một cách mù quáng, phát triển tự do, sáng tạo không có kiểm soát. Phát triển vẫn phải căn cứ theo quy luật và nhu cầu của thị trường. Không phải để lấy thành tích mà phát triển quá đà, cần tính đến nhiều yếu tố liên quan đến môi trường, tự nhiên và xã hội.

Phân định rõ trách nhiệm và chuyên môn của các cấp, các đơn vị và bộ phận trong doanh nghiệp, nhằm đảm bảo tiến độ công việc, chất lượng công trình, và xử lý nhanh khi có sự cố xảy ra. Không để tình trạng quản lý chồng chéo, mỗi bộ phận chỉ chịu trách nhiệm một hoặc hai nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ người chịu trách nhiệm và thi hành.

Để thực hiện công nghiệp hóa được tốt, ngành Xây dựng Trung Quốc cần phải thực hiện được 3 điều sau: *Một là* phải xác định được trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị cao nhất chịu trách nhiệm về các đồ án thiết kế, để thống nhất các thiết kế và đảm bảo các thiết kế đều theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã quy định; *Hai là* tăng cường xây dựng xanh, đánh giá tiêu chuẩn vật liệu xây dựng xanh theo quy định; *Ba là* tích cực xây dựng và ban hành các biện pháp, chính sách thúc đẩy phát triển hiện đại hóa ngành Xây dựng. Ví dụ như các dự án của Chính phủ, công trình nhà ở cao tầng, trường học, bệnh viện thì yêu cầu thiết kế, kết cấu, vật liệu như thế nào, cần những quy chuẩn gì để tham chiếu cho thiết kế và kỹ thuật thi công, cũng như vật liệu tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi

trường sử dụng như thế nào...

Hội nhập sâu bằng công nghệ thông tin

Từ tương lai phát triển của ngành Xây dựng, công nghệ thông tin sẽ trở thành công cụ quan trọng và là một phương tiện cần thiết để công nghiệp hóa ngành Xây dựng. Những vấn đề về công nghệ thông tin cần phải quan tâm gồm:

Một là tích hợp dữ liệu. Thiết lập hệ thống “Xây dựng online” liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Mạng thông tin cập nhật tất cả các lĩnh vực liên quan đến xây dựng, từ vật liệu, máy móc, thiết bị, đến nhà sản xuất, nhà máy sản xuất, tư vấn thiết kế, giám sát thi công... liên kết với các doanh nghiệp để học hỏi và trao đổi kinh nghiệm, hợp tác làm ăn và giới thiệu sản phẩm. Ngoài ra, mạng online còn giúp cho các doanh nghiệp biết các thông tin liên quan đến đấu thầu dự án trong và ngoài nước, thông tin tài chính liên quan đến các doanh nghiệp.

Hai là quy hoạch thông tin một cách khoa học. Lượng thông tin là rất lớn, từ nhiều nguồn khác nhau, bằng các thứ tiếng, độ phức tạp và tin cậy của thông tin cũng khác nhau. Chính vì

thế, cần phải có đội ngũ nhân viên có chuyên môn, chọn lọc thông tin và phân loại thông tin theo nguồn tin, hoặc theo từng lĩnh vực như giá vật liệu, đơn vị sản xuất, thành phần... Cần có sự so sánh giữa các sản phẩm trong nước với nước ngoài, để doanh nghiệp trong nước để tiếp cận.

Ba là tối ưu hóa quản lý thông tin. Để công nghệ thông tin trở thành công cụ hỗ trợ tích cực cho ngành xây dựng, thì cần phải có hình thức quản lý thông tin phù hợp, kỹ thuật máy móc hiện đại. Dần dần máy móc sẽ thay thế sách vở trong việc lưu trữ và ghi chép tiến trình sản xuất, hay giá nguyên vật liệu, chi phí, tiến độ thi công, quản lý nhân công, quản lý hợp đồng... Ngoài chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin ra thì tính bảo mật của thông tin cũng cần phải được đảm bảo.

Lý Triệu Nhữ

Nguồn: <http://www.chinajsbcn>

ND: Quỳnh Anh

Kinh nghiệm về xử lý môi trường nông thôn ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Tỉnh Giang Tô là một tỉnh đi đầu của Trung Quốc trong việc đẩy mạnh xử lý môi trường nông thôn một cách toàn diện, không ngừng cải thiện môi trường sống cho người dân nông thôn. Cho đến nay, toàn tỉnh đã có 130 nghìn thôn trong toàn tỉnh bước đầu đã hoàn thành công tác xử lý môi trường, đã xây dựng được hơn 1.100 làng cư trú lành mạnh, trở thành những công trình được người dân ủng hộ và yêu mến.

1. Tăng cường xử lý toàn diện môi trường, người nông dân trong toàn tỉnh được hưởng thành quả

Gần 200 nghìn thôn trong phạm vi xử lý môi trường nông thôn tỉnh Giang Tô đã triển khai thực hiện cải thiện diện mạo môi trường nông

thôn theo các tiêu chí quy định trong “Hệ thống chỉ tiêu xây dựng toàn diện xã hội giàu mạnh tỉnh Giang Tô”, “Tỉnh Giang Tô cơ bản thực hiện hệ thống chỉ tiêu hiện đại hóa” và “Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn trong xử lý môi trường nông thôn” đều lần lượt phải đạt từ 95% đến trên 99%.

2. Làm nổi bật vai trò chủ thể của người dân, tôn trọng ý nguyện của người dân

Việc triển khai “Điều tra ý nguyện người nông dân trong cải thiện môi trường cư trú nông thôn tỉnh Giang Tô” là một căn cứ quan trọng cho việc đề ra kế hoạch công tác, bắt đầu từ việc giải quyết những nội dung cải thiện môi trường mà người dân quan tâm nhất, cần thiết nhất và ảnh hưởng tới lợi ích trực tiếp nhất.

Những nội dung được người dân quan tâm như: loại trừ rác thải, làm sạch ao hồ, cấp nước tập trung, cải thiện đường sá... Các phương án xử lý môi trường đều được đưa ra trung cầu ý kiến người dân, khuyến khích người dân tham gia toàn diện. Tỉnh đã tiến hành lấy ý kiến nhân dân trong các cuộc khảo sát công tác, lấy mức độ hài lòng của quần chúng làm nội dung quan trọng trong những đánh giá.

3. Đề cao xử lý theo tình hình của từng địa phương, hướng dẫn phân loại xử lý một cách khoa học

Tỉnh Giang Tô đã đề ra “Kế hoạch hành động xử lý môi trường nông thôn toàn tỉnh”, “Quy hoạch và phương án thực thi xử lý môi trường nông thôn tỉnh Giang Tô trong 5 năm” nhằm chỉ đạo các địa phương thực thi có trật tự và khoa học. Song song với việc cải thiện diện mạo môi trường, các địa phương cần nâng cao mức độ đồng bộ giữa cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng cơ bản. “Làng cư trú lành mạnh” được phân thành ba cấp độ một sao, hai sao và ba sao, các địa phương căn cứ theo tình hình thực tế để tự xác định mục tiêu. Đối với các làng thuộc các loại hình khác nhau như làng cổ, làng văn hóa, làng sinh thái, làng hiện đại ... cần thực thi xử lý phân loại để bảo vệ văn hóa đa dạng của mỗi nơi.

4. Làm nổi bật đặc trưng của các làng quê, tăng cường thiết kế quy hoạch

Học tập kinh nghiệm của các tỉnh khác như Chiết Giang, Giang Tây..., tỉnh Giang Tô nỗ lực thúc đẩy mối quan hệ hài hòa giữa các làng quê và môi trường tự nhiên xung quanh như mạng lưới sông ngòi ao hồ, gò đồi núi non... Bộ Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc sẽ đặt Trung tâm Nghiên cứu (xây dựng) quy hoạch nông thôn tại Giang Tô. Tỉnh cũng đã thành lập cơ cấu nghiên cứu học thuật cấp tỉnh đầu tiên tại Trung Quốc nghiên cứu về chủ đề xây dựng quy hoạch nông thôn - Hội Nghiên cứu xây dựng quy hoạch nông thôn tỉnh Giang Tô. Tỉnh đã phát động các đơn vị quy hoạch,

thiết kế, nghiên cứu trong toàn tỉnh triển khai “Điều tra đặc trưng nông thôn và Nghiên cứu sách lược tôn tạo đặc trưng nông thôn tỉnh Giang Tô”. Tỉnh và thành phố cũng đã mời 14 nhà thiết kế lớn của Tỉnh để cố vấn kỹ thuật đồng thời tổ chức cho hơn 100 đơn vị quy hoạch thiết kế hàng đầu của Tỉnh tiến hành hỗ trợ kỹ thuật đối với công tác biên soạn quy hoạch nông thôn của tất cả các huyện (thành phố, khu vực), tăng cường chỉ đạo quy hoạch nhằm làm nổi bật đặc trưng của các địa phương.

5. Đề cao sự chỉ đạo của Chính quyền, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan

Tỉnh Giang Tô đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác đẩy mạnh xử lý môi trường nông thôn với sự tham gia của 18 cơ quan chức năng như Sở Nhà ở và Xây dựng đô thị nông thôn, Văn phòng công tác nông thôn tỉnh, Văn phòng Chính quyền tỉnh... Chính quyền Tỉnh mỗi năm ký kết với 13 thành phố trực thuộc tỉnh “Biên bản mục tiêu trách nhiệm xử lý môi trường nông thôn hàng năm” để xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, Chính quyền, chi tiết hóa mục tiêu, nhiệm vụ. Chính quyền tỉnh đã thiết lập Quỹ Hướng dẫn xử lý môi trường nông thôn, đã trích chi 1,6 tỷ NDT, đưa ra “Phương án tổng hợp quỹ xử lý toàn diện môi trường nông thôn cấp tỉnh”, sẽ thực thi bố trí dự toán tài chính cấp tỉnh và 9 loại quỹ có liên quan tới nông nghiệp của chính quyền Trung ương đồng thời căn cứ mục tiêu kế hoạch xử lý nông thôn hàng năm được công bố để tập trung đầu tư.

6. Đề cao quản lý hiệu quả lâu dài, củng cố thiết thực thành quả công tác

Những khu vực hoàn thành nhiệm vụ xử lý môi trường phải đưa ra các biện pháp quản lý lâu dài, thực hiện với chế độ, đội ngũ, kinh phí quản lý hiệu quả lâu dài. Cơ quan có trách nhiệm quản lý của huyện và thành phố tham gia vào công tác nghiệm thu đánh giá mục tiêu nhiệm vụ, khu vực hoàn thành nhiệm vụ xử lý phải kịp thời làm các thủ tục bàn giao quản lý hiệu quả lâu dài. Đánh giá hàng năm của Tỉnh

sẽ chọn ngẫu nhiên một tỷ lệ nhất định các thôn đã thông qua nghiệm thu để xem xét lại. Các địa phương sẽ tận dụng nguồn hỗ trợ tài chính công cộng, sự nghiệp công ích của làng, thu nhập kinh tế tập thể của làng... để tích lũy kinh phí, đồng thời từng bước tìm tòi xây dựng các mô hình quản lý hiệu quả lâu dài đa dạng, thực hiện “coi trọng đồng thời xử lý và quản lý, vừa

xử lý vừa quản lý”.

*Nguồn: Sở Nhà ở và Xây dựng đô thị -
nông thôn tỉnh Giang Tô
TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung
Quốc, số 4/2014
ND: Kim Nhạn*

TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG CHO CHUYÊN GIA ĐỨC JOHANNES BERND KUCHTA

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2014



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao Kỷ niệm chương cho ông Johannes Bernd Kuchta



Ông Kuchta chụp ảnh lưu niệm với Thứ trưởng Cao Lại Quang và các cộng sự của GIZ và Bộ Xây dựng